

ĐIỂM THI CUỐI HỌC KỲ I - KHỐI 10

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý	TN	TL	TC	Sinh	Sử	Địa			KTPL	Ghi chú
							Nghe	TN	TL	TC							TN	TL	TC		
1	000813	Nguyễn Bảo An	07/02/2007	10A1	6.8	7.5	1.6	1.2	5.5	8.3	5.5	1.75	1.5	3.3		9.0					
2	000814	Nguyễn Hồng An	04/12/2007	10A1	10.0	7.3	1.8	1.87	5.9	9.6	10.0	4	4.5	8.5		9.5					
3	000818	Nguyễn Quỳnh Chi	02/04/2007	10A1	6.3	7.8	1.6	1.2	5.1	7.9	7.3	2	2.3	4.3		9.8					
4	000819	Nguyễn Mạnh Cường	05/12/2007	10A1	5.8	4.5	1.5	1.6	4.4	7.5	2.8	1.5	4.8	6.3		7.0					
5	000821	Trần Quang Duy	10/05/2007	10A1	5.0	6.8	1.7	1.2	4.5	7.4	1.8	2.25	3.8	6.1		6.5					
6	000822	Vòng Bảo Duy	27/04/2006	10A1	5.8	6.0	1.6	1.33	5.1	8.0	6.8	2.5	2	4.5		8.0					
7	000827	Vũ Quang Hào	16/10/2007	10A1	7.8	7.3	1.8	0.4	4.2	6.4	6.8	1.75	2.5	4.3		8.0					
8	000828	Nguyễn Ngọc Hân	30/03/2007	10A1	5.0	7.3	1.8	1.07	4.6	7.5	3.3	2	3	5.0		6.0					
9	000830	Võ Đức Hòa	07/03/2007	10A1	7.0	6.8	1.5	0.93	4.7	7.1	6.3	2.5	5	7.5		8.5					
10	000832	Nguyễn Hoàng	06/08/2007	10A1	1.8	8.0	1.7	0.67	1.7	4.1	2.5	0.5	0	0.5		2.8					
11	000833	Dương Nguyễn Nhật Huy	08/10/2007	10A1	8.3	6.3	1.7	1.2	5	7.9	7.0	3.75	4.8	8.6		8.5					
12	000834	Nguyễn Đặng Gia Huy	01/12/2007	10A1	2.8	7.0	1.8	0.67	4.4	6.9	0.8	2.25	3.5	5.8		6.5					
13	000838	Nguyễn Thế Hưng	20/03/2007	10A1	8.5	7.5	1.6	1.33	5.4	8.3	7.3	3.5	6	9.5		7.8					
14	000839	Nguyễn Thị Thu Hương	23/05/2007	10A1	5.5	7.5	1.4	0.8	4.2	6.4	7.3	1.5	1.25	2.8		7.0					
15	000842	Nguyễn Hoàng Gia Khang	17/04/2007	10A1	5.5	7.0	1.7	0.67	4.6	7.0	4.5	1.75	2.25	4.0		6.5					
16	000844	Trần Văn Long Khanh	31/12/2007	10A1	5.0	6.5	1.7	1.07	4.2	7.0	4.3	1	2.25	3.3		7.0					
17	000847	Lê Minh Khôi	03/11/2007	10A1	1.8	6.8	1.7	1.6	5.2	8.5	3.3	2.25	3.5	5.8		6.5					
18	000850	Hồ Thạch Bảo Khương	14/09/2007	10A1	4.3	7.5	1.8	1.07	5.5	8.4	5.0	0.75	2.25	3.0		7.3					
19	000851	Hà Ngọc Linh	15/10/2007	10A1	6.5	7.3	1.6	0.8	2.1	4.5	3.5	1.5	3.75	5.3		5.3					
20	000853	Võ Hoàng Long	03/12/2007	10A1	3.0	7.8	1.7	0.67	3.2	5.6	5.3	1	2.5	3.5		6.0					
21	000855	Ngô Đức Mạnh	05/12/2007	10A1	6.8	7.3	1.8	0.8	4.1	6.7	6.5	2	4.5	6.5		6.8					
22	000857	PHẠM NHẬT MINH	07/11/2007	10A1	5.0	8.0	1.8	1.33	5.4	8.5	3.3	2.25	3.25	5.5		6.8					
23	000858	Bùi Phương Minh	28/10/2007	10A1	7.0	7.3	1.7	1.07	5.5	8.3	7.3	1.5	3	4.5		9.3					
24	000860	Trương Diễm My	25/10/2007	10A1	4.3	5.3	1.5	1.07	4.4	7.0	6.8	1.5	2.5	4.0		7.0					
25	000863	NGUYỄN BÁ HÀ NGUYỄN	07/11/2007	10A1	8.3	6.5	1.9	1.6	6	9.5	8.5	4	6	10.0		8.0					
26	000864	Nguyễn Hoàng Nghĩa	09/05/2007	10A1	5.3	7.5	1.5	0.93	5.1	7.5	6.0	2.25	3.3	5.6		7.0					
27	000865	Nguyễn Huỳnh Kim Ngọc	06/05/2007	10A1	6.8	6.8	1.7	1.2	4.3	7.2	5.0	1.75	3.8	5.6		8.0					
28	000866	Nguyễn Hoàng Minh Nguyên	22/06/2007	10A1	6.5	7.3	1.8	1.6	5.6	9.0	7.0	1	2.5	3.5		6.3					
29	000868	Lê Hồ Yến Như	21/10/2007	10A1	5.5	7.8	1.4	0.8	2.7	4.9	4.0	1.25	5	6.3		5.0					
30	000872	Nguyễn Hoàng Gia Phú	30/05/2007	10A1	7.0	6.0	1.5	1.07	5.4	8.0	6.0	3	4.8	7.8		7.5					
31	000873	Dương Văn Phúc	07/09/2007	10A1	5.8	6.8	1.7	1.47	5.3	8.5	1.0	1.75	3.5	5.3		6.3					
32	000875	Lê Thị Thanh Phương	07/10/2007	10A1	4.3	6.0	1.5	0.93	3.8	6.2	2.5	1.75	2.3	4.1		6.3					
33	000876	Vương Nguyễn Viễn Phương	08/07/2007	10A1	4.5	3.0	1.5	0.67	4.6	6.8	7.5	1.5	1.5	3.0		7.5					
34	000880	Đinh Văn Tài	02/02/2007	10A1	2.8	6.0	1.6	1.2	4.6	7.4	5.0	2	2.8	4.8		7.5					
35	000882	Phạm Trí Tân	05/02/2007	10A1	6.3	5.8	1.7	0.8	4	6.5	5.0	1.5	2.8	4.3		6.3					

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý	Hóa		Sinh	Sử	Địa			KTPL	Ghi chú		
							Nghe	TN	TL	TC		TN	TL			TC	TN	TL			TC	
36	000883	Bùi Minh Thanh	28/11/2007	10A1	6.5	6.0	1.5	1.6	5.3	8.4	5.3	1.5	2.8	4.3		6.8						
37	000885	Hoàng Quốc Thắng	25/10/2007	10A1	8.3	7.5	1.8	1.87	5.6	9.3	8.8	4	3.25	7.3		7.3						
38	000887	Phùng Hoàng Thiên	22/09/2007	10A1	7.5	6.0	1.6	1.47	5.5	8.6	5.8	3.5	4.25	7.8		7.5						
39	000890	Trần Tiến Thông	23/05/2007	10A1	7.0	6.5	1.7	1.07	5.4	8.2	6.5	3.25	4.5	7.8		8.5						
40	000892	Nguyễn Đức Tiến	17/08/2007	10A1	1.0	5.8	1.8	0.93	4.3	7.0	5.0	0.75	0.25	1.0		5.5						
41	000896	Mai Hoàng Thanh Trúc	12/08/2007	10A1	5.0	7.3	1.8	1.47	5.4	8.7	5.0	2	2	4.0		7.3						
42	000898	Dương Đào Cẩm Tuyền	20/08/2007	10A1	2.3	7.5	1.5	0.93	4.2	6.6	5.0	1	1	2.0		9.5						
43	000899	Nguyễn Huỳnh Bảo Uyên	22/12/2007	10A1	5.3	6.5	1.7	1.2	4.9	7.8	6.8	3	4.25	7.3		7.5						
44	000900	Trần Nguyễn Thảo Uyên	05/11/2007	10A1	3.3	6.8	1.8	1.2	5	8.0	3.0	1.5	1.25	2.8		9.0						
45	000903	Hoàng Thị Nhã Vy	22/05/2007	10A1	7.5	7.5	1.8	1.33	5	8.1	7.3	3	3.25	6.3		8.5						
46	000904	Lại Phương Vy	05/01/2007	10A1	6.5	5.0	1.7	0.67	3.8	6.2	4.3	0.75	1	1.8		6.5						
47	000905	Lê Vy	04/04/2007	10A1	5.8	5.8	1.7	1.2	5.2	8.1	7.8	3	4.75	7.8		9.8						
48	000815	Trần Thị Trâm Anh		10A2	9.8	7.5	1.6	1.73	5.9	9.2	9.3	3.75	6	9.8		9.5						
49	000816	Huỳnh Kim Bảo	10/09/2007	10A2	4.3	6.3	1.2	1.2	4.3	6.7	3.8	2.25	3.5	5.8		5.3						
50	000817	Lê Thanh Chắc	01/04/2007	10A2	7.3	7.3	1.3	1.2	4.8	7.3	5.0	3	5.5	8.5		8.5						
51	000820	LÊ HOÀNG ĐỨC DUY	27/08/2007	10A2	2.8	5.5	1.5	0.67	4.7	6.9	1.5	1.25	3.3	4.6		5.8						
52	000823	Cao Ngọc Thùy Dương	03/08/2007	10A2	9.0	5.5	1.5	1.2	5.1	7.8	8.3	3.25	5.8	9.1		9.0						
53	000824	Đoàn Tấn Đạt	11/08/2007	10A2	7.0	6.8	1.7	0.93	4.8	7.4	5.5	2.5	5	7.5		7.0						
54	000825	Phạm Thúy Đình	18/10/2007	10A2	7.8	8.0	1.6	1.47	5.5	8.6	7.3	2.75	4.3	7.1		7.0						
55	000826	Đinh Xu Han	02/11/2007	10A2	5.8	6.5	1.4	1.2	4.2	6.8	4.5	2	4.5	6.5		5.5						
56	000829	Nguyễn Dũng Nhân Hậu	23/02/2007	10A2	8.3	6.8	1.4	1.2	5.2	7.8	4.5	2.75	5.8	8.6		8.0						
57	000831	Bùi Nguyễn Minh Hoàng	01/03/2007	10A2	5.0	5.8	1.4	1.33	4.6	7.3	1.3	2	1.5	3.5		5.0						
58	000835	Nguyễn Trần Gia Huy	16/03/2007	10A2	5.8	5.0	1.3	1.33	4.9	7.5	4.3	1.5	4	5.5		6.0						
59	000836	Phan Phạm Thành Huy	10/12/2007	10A2	3.3	5.0	1.3	1.2	3.8	6.3	1.3	2.5	2.25	4.8		3.3						
60	000837	NGUYỄN TUẤN HƯNG	29/03/2007	10A2	2.0	6.0	1.4	0.67	4	6.1	3.5	1.25	2.25	3.5		7.3						
61	000840	Nguyễn Vũ Minh Hương	04/12/2007	10A2	6.3	5.5	1.4	1.2	3.8	6.4	8.0	1.75	2	3.8		7.5						
62	000841	Lê Trọng Hữu	01/02/2006	10A2	2.8	5.0	1.4	0.8	4.2	6.4	2.5	1.25	4	5.3		5.0						
63	000843	Nguyễn Mai Hoàng Khang	16/05/2007	10A2	5.8	6.8	1.1	0.8	5.1	7.0	3.0	1.25	3.5	4.8		5.5						
64	000845	Nguyễn Vũ Anh Khoa	12/12/2007	10A2	4.5	5.5	1.5	1.07	4.2	6.8	0.5	1.75	2	3.8		6.5						
65	000846	Trịnh Anh Khoa	23/05/2007	10A2	6.5	4.8	1.7	1.33	4.8	7.8	4.3	1.5	5.25	6.8		6.0						
66	000848	Nguyễn Thanh Anh Khôi	20/12/2007	10A2	4.3	7.8	1.6	1.33	4	6.9	2.3	1.25	3.5	4.8		6.8						
67	000849	Phan Ngô Anh Khôi	18/09/2006	10A2	2.5	6.5	1.3	1.07	4.7	7.1	0.5	1.5	0.5	2.0		2.8						
68	000852	Phạm Lê Thanh Long	14/03/2007	10A2	6.0	3.0	1.2	0.8	3.9	5.9	2.8	2.25	3.5	5.8		6.8						
69	000854	Vũ Hoàng Nhật Long	16/01/2007	10A2	4.3	5.8	1.3	0.8	4.6	6.7	1.8	1.25	4.75	6.0		5.5						
70	000856	Đoàn Minh Mẫn	16/11/2007	10A2	3.0	6.3	1.5	0.8	3	5.3	0.0	2	1.5	3.5		6.8						
71	000859	Dương Khải Minh	22/11/2007	10A2	7.8	6.3	1.5	1.33	4.8	7.6	5.0	2.5	5	7.5		6.3						
72	000861	Nguyễn Hải Nam	23/03/2007	10A2	3.0	5.5	1.3	0.67	4.9	6.9	1.8	0.5	3	3.5		5.0						

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý		Hóa		Sinh	Sử	Địa			KTPL	Ghi chú
							Nghe	TN	TL	TC			TN	TL			TN	TL	TC		
73	000862	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	12/09/2007	10A2	5.3	3.3	1.5	0.67	4.3	6.5	1.3	1.5	0.8	2.3		6.0					
74	000867	Phạm Thanh Nhật	01/05/2007	10A2	6.5	4.5	1.3	0.93	3.9	6.1	5.8	1.75	6	7.8		7.3					
75	000869	Nguyễn Võ Quỳnh Như	18/11/2007	10A2	8.5	7.3	1.5	1.33	5.2	8.0	6.3	2	5	7.0		8.5					
76	000870	Trần Đặng Tuấn Phát	08/09/2007	10A2	5.0	5.0	1.3	1.33	5.4	8.0	6.3	2.75	4.8	7.6		7.8					
77	000871	Phan Tiểu Phong	16/12/2007	10A2	3.8	5.0	1.3	1.2	4.5	7.0	7.0	1.25	3.8	5.1		5.8					
78	000874	Hồ Hoàng Phúc	17/05/2007	10A2	1.8	5.0	1.4	0.53	2.8	4.7	6.3	2.5	1.8	4.3		6.8					
79	000877	Nguyễn Anh Quân	05/03/2007	10A2	6.5	6.5	1.5	1.2	5.1	7.8	7.8	3.25	4.5	7.8		7.5					
80	000878	Phan Vĩnh Quân	20/02/2007	10A2	7.5	6.8	1.7	1.2	4.7	7.6	5.0	3.5	3.3	6.8		5.3					
81	000879	Trịnh Minh Quân	26/03/2007	10A2	5.3	4.5	1.5	0.8	5.1	7.4	5.0	2.25	4	6.3		6.5					
82	000881	Lê Tấn Tài	26/12/2007	10A2	5.8	7.3	1.4	1.2	5.5	8.1	4.3	1.75	4	5.8		8.0					
83	000884	Trần Kim Thanh	11/05/2007	10A2	5.8	4.0	1.4	1.2	4.4	7.0	2.0	1.75	2	3.8		4.5					
84	000886	Võ Kim Thắng	26/04/2007	10A2	5.3	6.8	1.3	0.8	4	6.1	7.5	2.75	5.75	8.5		7.3					
85	000888	Dương Trọng Tấn Thịnh	08/06/2007	10A2	4.3	5.0	1.5	1.07	4.8	7.4	5.5	1	2.5	3.5		5.3					
86	000889	Đặng Huỳnh Trường Thịnh	13/07/2007	10A2	4.0	4.5	1.5	1.07	2.8	5.4	1.8	2.25	2.75	5.0		5.0					
87	000891	Nguyễn Cao Đức Tiến	22/05/2007	10A2	4.0	5.0	1.5	0.27	4.1	5.9	1.5	2	4.25	6.3		6.3					
88	000893	Nguyễn Hoàng Tiến	07/09/2007	10A2	2.3	3.3	1.2	0.93	3.6	5.7	1.0	2	2.75	4.8		3.3					
89	000894	Võ Minh Tiệp	14/09/2007	10A2	5.3	4.8	1.5	1.73	4.7	7.9	4.0	1.75	4	5.8		5.0					
90	000895	Nguyễn Minh Trí	12/05/2007	10A2	5.0	3.3	1.8	1.6	5	8.4	2.8	2.75	6	8.8		3.3					
91	000897	Huỳnh Thanh Tuấn	25/09/2007	10A2	5.3	8.3	1.5	1.2	5.1	7.8	5.5	2.5	4.5	7.0		9.0					
92	000901	Phan Long Vĩ	17/11/2007	10A2	7.8	4.5	1.4	1.2	5.3	7.9	7.0	2.5	5	7.5		8.5					
93	000902	Lê Võ Thành Vinh	29/11/2007	10A2	4.0	5.8	1.4	1.47	5.4	8.3	3.5	1.25	3.25	4.5		8.5					
94	000906	Nguyễn Vũ Thúy Vy	25/01/2007	10A2	7.8	8.0	1.6	1.2	5.7	8.5	6.5	3	5.5	8.5		9.5					
95	000907	Quách Ngọc Thảo Vy	16/08/2007	10A2	5.3	8.0	1.5	0.93	4.6	7.0	5.3	3	4.25	7.3		8.0					
96	000908	Đoàn Tuấn An	27/03/2007	10A3	7.5	5.0	1.2	0.8	4	6.0	4.0	2.25	1.5	3.8		6.8	2.5	4.25	6.8		
97	000909	Trần Ngọc Thanh An	02/11/2007	10A3	4.3	4.5	1.5	0.93	3	5.4	5.8	2.75	4.5	7.3		5.0	3.5	5.25	8.8		
98	000910	Nguyễn Quốc Anh	30/11/2007	10A3	5.3	4.8	1.4	0.8	5	7.2	4.3	2.5	5.5	8.0		5.3	2.25	5.75	8.0		
99	000911	Nguyễn Tuấn Anh	13/10/2006	10A3	6.8	4.5	1.3	1.07	5.2	7.6	6.5	2.25	5	7.3		6.3	2.75	6	8.8		
100	000912	Phạm Thị Hồng Ánh	19/09/2007	10A3	7.8	5.3	1.8	0.8	4.8	7.4	9.3	2.5	5	7.5		3.3	2.25	5.25	7.5		
101	000913	Nguyễn Hoài Ân	06/12/2007	10A3	7.3	5.3	1.4	1.07	5.4	7.9	6.8	3.25	6	9.3		8.0	4	6	10.0		
102	000914	Trần Văn Bách	01/01/2007	10A3	3.5	5.3	1.5	1.2	3.7	6.4	4.5	2.5	4.5	7.0		5.0	4	5.5	9.5		
103	000915	Đặng Võ Gia Bảo	23/08/2007	10A3	3.0	4.5	1.3	1.07	4.6	7.0	4.5	1.25	1.75	3.0		1.5	1.75	2.5	4.3		
104	000916	Trần Gia Bảo	19/12/2007	10A3	5.3	3.5	1.5	0.93	2.8	5.2	1.0	1.75	3.25	5.0		2.8	3	4.75	7.8		
105	000917	Nguyễn Hồng Đức	12/05/2007	10A3	8.0	5.5	1.4	1.07	5.1	7.6	5.0	2.25	3	5.3		2.3	3.25	3	6.3		
106	000918	Nhữ Quang Đức	23/03/2007	10A3	6.5	6.0	1.3	0.53	4.2	6.0	6.8	1.75	4.25	6.0		7.5	3.75	6	9.8		
107	000919	Trần Ngọc Hiệp	12/12/2007	10A3	7.5	7.0	1.2	1.2	4.5	6.9	6.8	2	5.25	7.3		5.5	2.25	6	8.3		
108	000920	Nguyễn Việt Hoàng	01/01/2007	10A3	5.0	6.5	1.4	0.67	4.7	6.8	3.5	2.75	2.75	5.5		2.5	2.25	6	8.3		
109	000921	Đồng Nhật Huy	05/11/2007	10A3	7.8	7.8	1.5	0.93	5.1	7.5	7.5	2.5	6	8.5		5.3	2.75	5.75	8.5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý		Hóa		Sinh	Sử	Địa			KTPL	Ghi chú
							Nghe	TN	TL	TC			TN	TL			TN	TL	TC		
110	000922	Nguyễn Hoàng Duy Khang	25/04/2007	10A3	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
111	000923	Kiều Minh Khoa	12/09/2007	10A3	6.0	6.5	1.3	1.07	4	6.4	8.0	2.5	5.25	7.8		6.0	2.25	5	7.3		
112	000924	Nguyễn Đăng Khoa	11/06/2007	10A3	8.5	7.8	1.5	1.87	4.9	8.3	8.0	2.75	6	8.8		8.0	3.5	6	9.5		
113	000925	Lê Minh Kiệt	23/06/2007	10A3	6.5	6.0	1.5	1.07	5.1	7.7	5.5	2.5	5.25	7.8		4.3	3.75	5.25	9.0		
114	000926	Lê Thùy Linh	05/04/2007	10A3	8.5	7.3	1.3	1.2	5.5	8.0	5.8	2.75	4.75	7.5		5.3	2	6	8.0		
115	000927	LÊ THỊ HỒNG LOAN	02/08/2007	10A3	5.8	6.5	1.1	1.2	4.4	6.7	7.0	2.75	4.75	7.5		6.0	3.5	3	6.5		
116	000928	Nguyễn Võ Minh Long	17/06/2007	10A3	4.5	6.8	1.2	0.67	3.1	5.0	1.5	2	3.5	5.5		4.3	3.25	5.25	8.5		
117	000929	Hoàng Tuyết Minh	24/05/2007	10A3	7.3	6.3	1.6	1.07	5.6	8.3	6.5	1.5	5	6.5		8.0	2.75	5.5	8.3		
118	000930	Nguyễn Phúc Lê Minh	20/11/2007	10A3	6.8	7.0	1.6	1.2	5.4	8.2	4.0	2	4.25	6.3		10.0	3.25	5	8.3		
119	000931	Đặng Hoàng Nam	28/03/2007	10A3	6.8	6.0	1.4	0.93	5.3	7.6	6.3	3.5	4.75	8.3		8.0	3.75	5.5	9.3		
120	000932	Trần Quỳnh Ngọc	26/12/2007	10A3	8.3	6.3	1.6	1.6	4.6	7.8	6.8	2.25	6	8.3		8.0	3.5	6	9.5		
121	000933	Nguyễn Hữu Nhân	26/04/2007	10A3	7.0	5.3	1.7	1.47	5.3	8.5	2.5	2	3.5	5.5		7.3	2.75	5	7.8		
122	000934	Nguyễn Thảo Nhi	26/12/2007	10A3	4.3	6.8	1.4	1.07	4.6	7.1	0.0	1.25	3.25	4.5		6.8	2.25	2.75	5.0		
123	000935	Nguyễn Huỳnh Như	09/10/2007	10A3	6.3	7.0	1.4	1.6	4.4	7.4	3.5	1.75	2	3.8		7.0	3	5.25	8.3		
124	000936	Lê Hoàng Phú	03/12/2007	10A3	7.5	5.8	1.5	1.2	5.8	8.5	9.5	2.75	4.5	7.3		8.5	4	5.5	9.5		
125	000937	Nhan Thành Phú	20/08/2007	10A3	4.5	7.0	1.3	0.67	4.2	6.2	6.5	2	3.75	5.8		8.3	3.75	4.25	8.0		
126	000938	Nguyễn Hoàng Bảo Phúc	19/05/2007	10A3	8.3	5.0	1.2	0.67	4.8	6.7	7.0	2.75	5.75	8.5		7.0	2	2.5	4.5		
127	000939	Nguyễn Mai Phương	08/10/2007	10A3	8.5	8.5	1.8	1.73	5.6	9.1	10.0	3.75	6	9.8		9.8	3.75	6	9.8		
128	000940	Phạm Trung Tài	09/11/2007	10A3	6.3	5.0	1.7	1.2	5.4	8.3	5.0	2.5	3.25	5.8		5.0	2.5	4.75	7.3		
129	000941	Trần Trí Thọ	19/09/2007	10A3	5.3	4.8	1.3	0.53	4.4	6.2	4.3	2.5	2.5	5.0		3.8	2.75	3.25	6.0		
130	000942	Nguyễn Anh Thư	06/06/2007	10A3	6.8	5.8	1.3	1.07	4.9	7.3	7.3	2.75	4	6.8		9.0	3.75	6	9.8		
131	000943	Nguyễn Cao Anh Thư	04/03/2007	10A3	7.0	7.3	1.4	1.2	4.3	6.9	6.3	2	5.25	7.3		8.5	3.25	6	9.3		
132	000944	NGUYỄN TRẦN QUỲNH TRÂM	17/10/2007	10A3	8.3	5.8	1.4	1.2	4.2	6.8	6.5	2.5	5	7.5		7.0	3.25	5.5	8.8		
133	000945	Nguyễn Thị Thu Trang	20/12/2007	10A3	5.5	6.0	1.4	1.33	4.8	7.5	0.5	2.25	5.25	7.5		4.3	1.75	3.75	5.5		
134	000946	Lê Minh Trí	04/07/2007	10A3	2.5	2.5	1.2	0.93	3.6	5.7	0.5	1.25	0.75	2.0		2.3	1.75	2.5	4.3		
135	000947	Phạm Lê Minh Trung	07/11/2007	10A3	6.8	4.8	1.5	1.2	4.9	7.6	4.0	1.5	4	5.5		6.3	1.5	3	4.5		
136	000948	Ngô Xuân Trường	18/03/2007	10A3	5.0	6.0	1.4	0.67	3.5	5.6	3.8	1.25	4.5	5.8		6.3	2.25	5.25	7.5		
137	000949	Lê Thị Thanh Tuyền	29/11/2007	10A3	5.8	5.5	1.2	0.8	3.8	5.8	3.8	1.5	4.75	6.3		6.8	2.25	5.5	7.8		
138	000950	Ngô Thanh Vi	23/11/2007	10A3	8.5	7.5	1.4	1.6	5.6	8.6	8.8	3.25	5.5	8.8		9.0	3.75	6	9.8		
139	000951	Trương Quốc Vinh	26/07/2007	10A3	3.5	6.3	1.4	0.93	2.6	4.9	1.5	1.75	3	4.8		5.8	2.75	4.5	7.3		
140	000952	Nguyễn Huỳnh Bảo Vy	28/02/2007	10A3	8.5	6.0	1.8	1.6	5.9	9.3	7.5	2.5	5	7.5		8.8	3.75	5.5	9.3		
141	000953	TRẦN QUẾ ANH	25/02/2007	10A4	6.5	4.5	1.5	0.8	3.5	5.8	2.5	2.25	3.25	5.5		6.5				3.5	
142	000954	Khương Vũ Tuyết An	07/01/2007	10A4	8.3	7.5	1.7	0.93	5	7.6	7.8	2.25	5.5	7.8		9.0				9.3	
143	000955	Đặng Quỳnh Anh	27/06/2007	10A4	7.3	5.8	1.6	1.6	5.6	8.8	8.0	3	6	9.0		8.8				8.5	
144	000956	Lâm Gia Bảo	14/08/2007	10A4	2.8	6.0	1.8	1.2	1.7	4.7	6.5	2.25	2.5	4.8		7.5				5.5	
145	000957	Thái Thị Ngọc Bích	17/04/2007	10A4	6.0	6.3	1.5	1.07	4.3	6.9	5.3	1.75	5.75	7.5		7.5				9.5	
146	000958	Lê Hoàng Bảo Châu	28/06/2007	10A4	5.0	6.5	1.8	1.47	5	8.3	1.8	1.5	2.75	4.3		7.8				9.5	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý		Hóa		Sinh	Sử	Địa			KTPL	Ghi chú
							Nghe	TN	TL	TC			TN	TL			TN	TL	TC		
147	000959	Nguyễn Lê Ngọc Châu	31/07/2007	10A4	7.0	6.3	1.4	0.8	5	7.2	5.0	2.5	4.5	7.0		6.8				5.0	
148	000960	Lê Hoàng Danh	08/09/2007	10A4	7.5	4.0	1.2	1.33	5.3	7.8	2.5	2	5	7.0		7.0				8.0	
149	000961	Cao Hoàng Nhật Duy	01/06/2007	10A4	5.0	5.0	1.8	0.67	4.8	7.3	6.3	1.25	6	7.3		7.3				9.5	
150	000962	Nguyễn Huỳnh Hà Duyên	01/06/2007	10A4	5.0	7.8	1.4	0.8	4.8	7.0	4.5	1.75	5.5	7.3		6.3				9.5	
151	000963	Dương Thế Hiệp	15/09/2004	10A4	7.0	6.8	1.7	1.33	4.8	7.8	8.5	3	5.75	8.8		8.8				9.5	
152	000964	NGUYỄN GIA HUY	02/11/2007	10A4	3.3	6.0	1.4	0.67	3.9	6.0	5.5	1	2	3.0		8.3				6.0	
153	000965	Mã Gia Huy	25/01/2007	10A4	6.8	4.3	1.2	1.07	5.5	7.8	6.8	1.75	5.75	7.5		6.5				7.5	
154	000966	Bùi Minh Khang	04/04/2007	10A4	2.8	5.5	1.4	0.93	5.2	7.5	4.8	1.5	4	5.5		3.3				6.0	
155	000967	Đỗ Phúc Khang	07/03/2007	10A4	5.0	7.5	1.5	1.47	5.2	8.2	1.3	0.5	3	3.5		6.8				8.3	
156	000968	Bùi Nguyễn Minh Khôi	24/10/2007	10A4	8.0	6.8	1.6	0.93	4.7	7.2	6.0	2	3.25	5.3		6.5				8.5	
157	000969	Lê Quang Tấn Kiệt	15/01/2007	10A4	6.3	7.3	1.7	1.2	5.6	8.5	7.5	3.5	5	8.5		8.3				9.5	
158	000970	Nguyễn Nhật Anh Kiệt	03/07/2006	10A4	6.3	7.3	1.4	1.33	4.3	7.0	8.0	2.25	3.75	6.0		9.5				9.0	
159	000971	Bùi Thị Kha Lan	20/08/2006	10A4	9.5	8.5	1.4	1.33	4.6	7.3	9.0	4	5.5	9.5		10.0				9.8	
160	000972	Trần Thị Ngọc Lan	18/07/2007	10A4	7.0	7.5	1.5	1.07	5	7.6	8.0	2.5	4.75	7.3		8.5				9.0	
161	000973	Trần Tống Mỹ Linh	08/01/2007	10A4	5.0	7.8	1.7	1.07	5.4	8.2	8.3	4	6	10.0		9.0				9.8	
162	000974	Lưu Chúc Loan	09/11/2007	10A4	3.3	5.3	1.4	1.47	4.4	7.3	1.8	2.25	4	6.3		6.5				6.5	
163	000975	Trần Xuân Long	13/09/2007	10A4	5.0	6.8	1.4	1.47	5	7.9	6.8	2	3.5	5.5		7.5				9.5	
164	000976	PHAM LÊ THẢO LY	04/01/2007	10A4	8.0	6.5	1.6	0.93	4.6	7.1	5.5	2.5	5	7.5		7.8				9.5	
165	000977	Trương Hải My	07/01/2007	10A4	5.0	5.0	1.5	1.2	5.4	8.1	6.5	2.5	3.8	6.3		7.0				9.0	
166	000978	Nguyễn Gia Nghi	28/04/2007	10A4	7.3	5.0	1.9	1.33	5.2	8.4	7.5	3.75	5	8.8		8.3				9.0	
167	000979	Thạch Thị Quỳnh Như	28/02/2007	10A4	3.5	7.3	1.3	1.07	4	6.4	6.0	1.5	2.8	4.3		6.5				7.5	
168	000980	Phan Nguyễn Thanh Phong	30/08/2007	10A4	6.8	7.0	1.8	1.47	5.7	9.0	6.8	2.25	5	7.3		6.5				9.8	
169	000981	Văn Nhật Phong	19/08/2007	10A4	3.0	3.8	1.5	0.93	4.7	7.1	2.0	1	1.5	2.5		5.3				5.5	
170	000982	Nguyễn Lâm Trọng Phúc	30/09/2007	10A4	2.8	5.5	1.3	1.2	3.4	5.9	3.5	1.25	2.8	4.1		7.8				8.5	
171	000983	Trần Thanh Phúc	25/04/2007	10A4	6.5	5.0	1.3	1.07	5.3	7.7	8.3	2.25	5.3	7.6		6.5				9.8	
172	000984	Nguyễn Ngọc Quỳnh		10A4	7.3	5.8	1.6	1.73	4.9	8.2	9.5	2.75	4	6.8		9.3				9.5	
173	000985	Trần Thị Nhã Quỳnh	31/10/2007	10A4	6.3	5.0	1.2	1.2	4.2	6.6	7.5	1.75	3.5	5.3		7.5				9.3	
174	000986	Nguyễn Đoàn Thanh Tâm	16/08/2007	10A4	3.5	5.0	1.2	0.93	2.6	4.7	4.3	1.5	3.3	4.8		7.5				6.5	
175	000987	Mai Lê Thiên Ngọc Thảo	19/05/2007	10A4	2.8	5.3	1.9	0.8	2.1	4.8	0.0	1	3	4.0		6.0				7.3	
176	000988	Nguyễn Huỳnh Thanh Thảo	22/07/2007	10A4	8.8	8.5	1.2	1.33	5	7.5	8.0	3.25	5.3	8.6		9.8				9.5	
177	000989	Huỳnh Hoa Thuận	07/01/2007	10A4	8.0	4.5	1.5	1.6	5.6	8.7	7.8	3.5	6	9.5		7.5				9.5	
178	000990	Bùi Tuệ Thùy	20/11/2007	10A4	6.5	7.3	1.6	1.33	5.4	8.3	5.0	2	3	5.0		7.0				7.0	
179	000991	Lê Kim Thùy	24/12/2007	10A4	5.0	6.3	1.3	0.93	5	7.2	4.3	2.25	3.3	5.6		6.8				9.5	
180	000992	HỒ TRẦN NGỌC TRINH	12/01/2007	10A4	7.8	5.8	1.5	0.93	3.9	6.3	9.5	2.25	4.8	7.1		6.0				9.5	
181	000993	Huỳnh Nữ Thu Trang	06/09/2006	10A4	2.8	7.0	1.2	0.67	1.8	3.7	3.8	1.75	1.5	3.3		7.5				6.0	
182	000994	Nguyễn Thành Trí	11/11/2007	10A4	8.5	6.8	1.2	1.47	5.1	7.8	8.5	4	5.3	9.3		7.8				8.5	
183	000995	Lê Thị Thanh Trúc	30/10/2007	10A4	8.3	5.3	1.7	1.47	5.5	8.7	5.0	2.5	5.8	8.3		8.0				9.5	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý		Hóa		Sinh	Sử	Địa			KTPL	Ghi chú
							Nghe	TN	TL	TC		TN	TL	TC			TN	TL	TC		
184	000996	Đoàn Minh Trung	10/06/2007	10A4	5.8	5.3	1.7	0.93	2.7	5.3	2.0	0.75	1.8	2.6		6.0				9.5	
185	000997	TRẦN ĐÌNH TUẤN TÚ	23/12/2007	10A4	8.8	5.5	1.7	1.33	5.8	8.8	5.0	1.75	4.3	6.1		4.5				7.5	
186	000998	LÂM THÚY VY	26/01/2007	10A4	8.0	7.8	1.3	1.33	4.3	6.9	8.3	1.5	4.3	5.8		8.5				9.5	
187	000999	Điền Khánh Vy	04/04/2007	10A4	7.0	6.8	1.5	0.93	4.5	6.9	5.0	3	6	9.0		7.8				9.5	
188	001000	Lê Trần Khánh Vy	14/11/2007	10A4	5.3	5.0	1.7	1.2	4	6.9	2.5	1.5	4.3	5.8		5.3				6.0	
189	001001	Nguyễn Tấn An	04/07/2007	10A5	5.8	7.5	1.7	1.2	5	7.9		2.75	5.5	8.3	7.0	6.0	3.75	6	9.8		
190	001002	Nguyễn Văn Nam Anh	04/01/2007	10A5	3.3	5.3	1.4	1.6	5.7	8.7		1.5	2	3.5	6.0	4.8	2.5	3.5	6.0		
191	001003	Nguyễn Tất Cẩm	01/08/2007	10A5	2.3	6.5	1.4	0.53	3.7	5.6		1.5	1.75	3.3	3.8	3.3	3.25	6	9.3		
192	001004	Võ Nguyên Như Định	30/01/2007	10A5	6.5	7.8	1.3	1.2	4.9	7.4		3	5.75	8.8	7.3	6.3	3.75	5.75	9.5		
193	001005	Nguyễn Tất Đồng	01/08/2007	10A5	6.0	6.0	1.3	0.8	4.6	6.7		2.25	6	8.3	7.0	7.8	3.75	5.25	9.0		
194	001006	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	16/11/2007	10A5	5.5	8.0	1.6	1.07	5.2	7.9		3.5	6	9.5	7.8	5.3	3	6	9.0		
195	001007	Văn Ngọc Kim Hiền	13/10/2007	10A5	5.8	8.0	1.5	1.2	5.1	7.8		2	4	6.0	7.5	8.0	3.75	5.5	9.3		
196	001008	Nguyễn Ban Mai Hoàng	26/11/2007	10A5	4.3	5.8	1.5	0.67	4.2	6.4		2.25	5.75	8.0	7.5	2.3	2.25	6	8.3		
197	001009	Nguyễn Phi Hùng	21/02/2007	10A5	8.0	4.3	1.4	1.07	4	6.5		3.25	5.75	9.0	7.5	4.5	3	6	9.0		
198	001010	Phạm Quang Huy	29/11/2007	10A5	3.3	5.0	1.5	1.2	3.6	6.3		1	3.25	4.3	5.8	4.0	2.75	6	8.8		
199	001011	Nguyễn Văn Hữu	12/05/2007	10A5	1.3	6.5	1.7	1.33	6	9.0		1.75	2.25	4.0	7.5	1.3	2	6	8.0		VPQCT
200	001012	Trương Gia Hy	08/02/2007	10A5	5.0	5.0	1.3	1.47	4.9	7.7		2.25	5	7.3	6.5	4.8	2.25	5.75	8.0		
201	001013	Nguyễn Bảo Khang	29/10/2007	10A5	6.0	5.0	1.5	0.93	3.7	6.1		1.75	3.75	5.5	4.5	3.5	2.75	4.25	7.0		
202	001014	Nguyễn Minh Khang	21/05/2007	10A5	7.8	4.8	1.2	1.33	5.4	7.9		1.75	5.75	7.5	8.3	5.8	3	4.5	7.5		
203	001015	Lê Quốc Khánh	03/05/2006	10A5	3.3	6.3	1.3	1.07	3.2	5.6		1.5	3.25	4.8	7.3	6.5	2	4.75	6.8		
204	001016	Lê Hoàng Lân	30/06/2007	10A5	5.0	5.5	1.4	0.4	4.8	6.6		2.5	4.5	7.0	5.5	6.0	2.5	6	8.5		
205	001017	Nguyễn Phi Long	23/11/2007	10A5	3.8	6.0	1.4	0.53	4.5	6.4		2.5	6	8.5	7.5	6.5	2.75	6	8.8		
206	001018	Nguyễn Trọng Thiên Long	12/12/2007	10A5	6.5	6.3	1.7	0.93	4.1	6.7		2	6	8.0	7.5	7.3	2.75	6	8.8		
207	001019	Đỗ Phước Lợi	31/01/2007	10A5	3.8	5.8	1.5	1.07	4.9	7.5		1.75	4.75	6.5	7.5	6.8	2.75	6	8.8		
208	001020	Phạm Trần Khánh Ly	11/09/2007	10A5	7.0	7.8	1.4	0.8	5.4	7.6		2	4.75	6.8	7.5	4.0	3.25	6	9.3		
209	001021	Nguyễn Thị Hạ Mi	30/10/2007	10A5	8.3	4.5	1.7	1.87	5.6	9.2		2.25	5	7.3	7.5	5.8	2.75	6	8.8		
210	001022	Nguyễn Sơn Nam	07/10/2007	10A5	5.8	5.5	1.4	0.93	4.3	6.6		1.5	5.75	7.3	7.8	6.0	3.75	5.75	9.5		
211	001023	Phạm Ngô Tường Nghi	09/10/2007	10A5	5.8	5.3	1.6	0.93	4.6	7.1		2	4.75	6.8	7.0	6.5	2.5	5.75	8.3		
212	001024	Trần Hà Bảo Nguyên	17/10/2007	10A5	5.0	6.5	1.4	0.93	3.4	5.7		1.75	5	6.8	5.5	6.5	3	6	9.0		
213	001025	Dương Hoài Nhân	02/08/2007	10A5	5.3	6.8	1.6	1.07	4.4	7.1		2.5	5.25	7.8	7.8	5.5	3.25	6	9.3		
214	001026	Huỳnh Ngọc Nhi	17/10/2007	10A5	4.3	5.3	1.3	0.67	4.9	6.9		2	4	6.0	7.0	5.3	3.5	5	8.5		
215	001027	Lê Thị Linh Nhi	09/04/2007	10A5	3.8	5.5	1.4	1.6	5	8.0		1.25	3	4.3	6.5	7.3	3	5.5	8.5		
216	001028	Lê Hải Trang Nhung	29/10/2007	10A5	5.0	5.0	1.5	1.33	4.6	7.4		2	3.25	5.3	7.8	5.8	3.5	4.75	8.3		
217	001029	Hoàng Ngọc Phúc	06/02/2007	10A5	7.5	5.3	1.3	0.93	5.2	7.4		3.25	5.25	8.5	7.3	6.3	3.25	5.5	8.8		
218	001030	Nguyễn Thanh Sơn	13/07/2007	10A5	5.0	5.0	1.8	1.47	5.6	8.9		1.75	6	7.8	7.5	6.3	3.25	6	9.3		
219	001031	Trần Ngọc Tài	24/08/2007	10A5	4.0	5.3	1.1	1.07	4.6	6.8		1	4.75	5.8	7.0	5.0	3.25	6	9.3		
220	001032	Đàm Phương Thảo	09/09/2007	10A5	3.8	6.5	1.3	1.33	4.3	6.9		1.25	2.5	3.8	5.8	6.3	3	5.75	8.8		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý		Hóa		Sinh	Sử	Địa			KTPL	Ghi chú
							Nghe	TN	TL	TC		TN	TL	TC			TN	TL	TC		
221	001033	LỖ MAI THỦY TIỀN	17/12/2007	10A5	6.5	6.5	1.5	1.33	4.5	7.3		2.75	6	8.8	7.8	7.5	2.75	4	6.8		
222	001034	Nguyễn Ngọc Bảo Tiên	21/11/2007	10A5	7.3	7.0	1.3	0.93	4.5	6.7		2.25	5.5	7.8	6.8	6.8	3.5	5.25	8.8		
223	001035	Mai Ngọc Trang	21/10/2007	10A5	5.8	6.0	1.5	0.8	3.8	6.1		2.5	5.75	8.3	7.5	6.5	2.25	5.75	8.0		
224	001036	Nguyễn Thị Thùy Trang	18/06/2007	10A5	9.8	6.5	1.5	1.2	4.9	7.6		3.25	6	9.3	7.5	6.3	3.5	6	9.5		
225	001037	Lê Minh Trí	02/01/2007	10A5	4.3	7.0	1.3	1.07	3.7	6.1		2	4.5	6.5	7.3	7.5	2.25	6	8.3		
226	001038	Tạ Viết Trí	22/09/2007	10A5	5.8	7.8	1.4	1.47	5.8	8.7		2.75	5.75	8.5	9.0	10.0	3.75	6	9.8		
227	001039	Trần Ngọc Thiên Triều	30/04/2007	10A5	6.0	6.8	1.5	1.07	5.5	8.1		2	5.75	7.8	6.5	6.5	3	5	8.0		
228	001040	Phan Hoàng Anh Tuấn	30/06/2007	10A5	3.5	7.0	1.6	0.93	5.7	8.2		1.5	4.5	6.0	8.3	6.3	3.75	6	9.8		
229	001041	Trần Thị Bích Tuyền	23/05/2007	10A5	3.8	6.0	1.3	0.93	4.7	6.9		2	5.25	7.3	7.0	6.8	3	6	9.0		
230	001042	Nguyễn Hoàng Việt	10/04/2007	10A5	4.5	6.3	1.5	1.33	5.3	8.1		1.75	2.75	4.5	7.0	6.5	3.5	6	9.5		
231	001043	NGUYỄN LÊ THANH VY	07/06/2007	10A5	5.0	7.5	1.1	0.93	4	6.0		2	4	6.0	7.8	5.0	3.25	5.5	8.8		
232	001044	Nguyễn Ngọc Tường Vy	01/04/2007	10A5	4.3	5.8	1.5	1.07	4.9	7.5		2.25	4.75	7.0	5.5	6.0	2	6	8.0		
233	001045	Tăng Thị Thúy An	31/10/2007	10A6	5.0	6.0	1.5	0.93	4.7	7.1		1	1	2.0	4.3	3.3				5.8	
234	001046	Phạm Thùy Anh	26/12/2007	10A6	5.3	6.8	1.5	0.93	4.5	6.9		1.5	1.5	3.0	7.3	5.0				9.5	
235	001047	Đặng Kiến Ân	14/07/2007	10A6	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng				Vắng	
236	001048	Nguyễn Thiên Ân	24/03/2007	10A6	4.5	4.0	1.2	0.8	4.2	6.2		0.75	3.3	4.1	4.3	3.5				9.3	
237	001049	Trương Thanh Bảo	04/11/2007	10A6	5.0	5.3	1.2	0.93	4.2	6.3		0.5	3.3	3.8	6.8	8.0				8.5	
238	001050	Phan Hạo Duy	10/08/2007	10A6	5.5	6.5	1.5	1.33	5.3	8.1		1.25	0.5	1.8	7.0	8.0				8.0	
239	001051	Ngô Thuý Dương	24/04/2007	10A6	8.0	6.0	1.3	0.93	5	7.2		1.75	3.5	5.3	7.3	7.5				9.5	
240	001052	Nguyễn Thùy Ánh Dương	10/06/2007	10A6	7.0	5.5	1.1	0.8	4.1	6.0		1.5	1.5	3.0	7.3	5.8				8.8	
241	001053	Đặng Gia Hân	07/04/2007	10A6	7.0	7.0	1.6	1.33	5.3	8.2		0.5	1.8	2.3	7.0	8.5				9.5	
242	001054	Đinh Gia Hân	12/10/2007	10A6	5.3	5.0	1.7	1.2	4.1	7.0		0.5	0.5	1.0	3.3	7.5				7.5	
243	001055	Nguyễn Trần Trọng Hiếu	04/11/2007	10A6	8.0	7.0	1.5	1.07	4.8	7.4		0.5	1.3	1.8	5.8	7.8				9.5	
244	001056	Lâm Nhựt Huy	08/06/2007	10A6	5.8	5.3	1.6	1.6	5.5	8.7		0.5	0.8	1.3	6.0	7.5				9.5	
245	001057	Võ Thị Quỳnh Hương	25/08/2007	10A6	6.5	6.5	1.5	1.2	5.2	7.9		2.25	4.8	7.1	9.0	9.5				9.8	
246	001058	NGUYỄN TRẦN ANH KHOA	15/08/2007	10A6	5.5	5.0	1.5	1.2	3.9	6.6		1	1	2.0	5.8	6.8				9.5	
247	001059	Nguyễn Minh Kha	05/04/2007	10A6	5.0	6.3	1.4	1.07	5	7.5		1.5	1.3	2.8	3.5	2.8				5.5	
248	001060	Trần Hoàng Anh Kiệt	09/09/2006	10A6	6.8	4.8	1.1	0.93	4.6	6.6		1.25	4	5.3	4.3	4.0				9.5	
249	001061	Hoàng Ngọc Thanh Liên	14/08/2007	10A6	4.3	5.0	1.5	0.93	4.9	7.3		1	1.8	2.8	3.5	7.5				6.5	
250	001062	Đặng Ngọc Hoàng Long	21/08/2007	10A6	5.5	4.5	1.3	1.07	5	7.4		1.25	2.5	3.8	7.8	5.0				9.5	
251	001063	Phạm Phước Lộc	10/01/2007	10A6	3.8	5.5	1.3	1.2	4.8	7.3		0.25	3	3.3	6.3	8.0				9.3	
252	001064	Nguyễn Thị Ngọc Mai	06/12/2006	10A6	4.5	4.5	1.4	1.2	4.6	7.2		1.25	2.8	4.1	5.0	7.0				9.5	
253	001065	Trần Ngọc Mai	28/08/2007	10A6	4.0	6.0	1.4	1.33	4.6	7.3		1.5	1.3	2.8	3.8	6.5				8.0	
254	001066	Phạm Hồng Ngân	26/12/2007	10A6	7.5	6.0	1.6	1.07	4.8	7.5		1.75	4	5.8	7.8	7.5				9.3	
255	001067	Nguyễn Quỳnh Thanh Ngọc	19/09/2007	10A6	6.3	6.5	1.4	1.2	4.6	7.2		1.25	1.75	3.0	6.3	5.0				9.0	
256	001068	Nguyễn Thị Yến Nhi	27/05/2007	10A6	5.0	7.5	1.6	1.2	4.9	7.7		1.25	1	2.3	7.3	6.0				9.5	
257	001069	Phạm Ngọc Nhi	04/04/2007	10A6	7.3	6.0	1.6	1.47	5.4	8.5		0.75	2.75	3.5	6.5	7.8				9.5	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý		Hóa		Sinh	Sử	Địa			KTPL	Ghi chú	
							Nghe	TN	TL	TC		TN	TL	TC			TN	TL	TC			
258	001070	Nguyễn Ngọc Kim Như	25/02/2007	10A6	7.0	7.3	1.3	1.07	5.4	7.8		2	3.5	5.5	8.3	8.0				8.5		
259	001071	Trương Minh Phong	01/10/2007	10A6	5.8	5.8	1.5	0.93	3.5	5.9		0.5	1	1.5	5.5	9.0				6.0	6.0	
260	001072	Nguyễn Trần Thiên Phúc	12/09/2007	10A6	6.0	7.8	1.2	1.2	5	7.4		0.75	2.75	3.5	8.8	6.0				9.3		
261	001073	Lưu Minh Quyển	24/04/2007	10A6	5.0	7.0	1.6	1.07	5.2	7.9		2	1.75	3.8	5.0	5.8				8.0		
262	001074	Nguyễn Đặng Diệp Sơn	17/02/2007	10A6	3.5	5.8	1.3	0.53	4.5	6.3		1.75	3	4.8	7.5	7.8				9.5		
263	001075	Phạm Sỹ Hồng Sơn	16/06/2007	10A6	3.3	3.8	1.5	0.93	3.6	6.0		0.75	0.25	1.0	6.5	3.5				9.5		
264	001076	Phan Lê Anh Tài	20/07/2007	10A6	7.0	5.0	1.5	0.8	3.7	6.0		2	3.25	5.3	7.0	7.5				9.5		
265	001077	DƯƠNG QUỐC THÀNH	30/09/2007	10A6	1.8	3.3	1.4	0.53	3.4	5.3		1	0	1.0	5.0	4.5				5.5		
266	001078	TRẦN QUỐC THỊNH	13/02/2007	10A6	5.5	5.8	1.2	0.53	3.5	5.2		1	2.5	3.5	5.5	7.0				9.5		
267	001079	Hoàng Phương Thảo	26/04/2007	10A6	7.3	5.5	1.4	1.47	5.8	8.7		3	4	7.0	4.8	4.5				9.5		
268	001080	Võ Ngọc Bảo Thi	18/11/2007	10A6	5.0	7.0	1.5	1.07	3.6	6.2		0.75	2.25	3.0	8.0	9.0				7.5		
269	001081	Trần Minh Thiện	15/09/2007	10A6	4.3	5.3	1.5	0.67	3	5.2		1.25	2.25	3.5	5.5	6.0				8.0		
270	001082	Nguyễn Kiều Tuyết Thư	01/05/2007	10A6	5.0	5.5	1.1	0.93	4	6.0		0.75	2.5	3.3	7.8	5.5				6.5		
271	001083	Phạm Thị Hoài Thương	14/04/2007	10A6	5.5	5.3	1.2	0.8	3.4	5.4		0.5	3.75	4.3	5.0	3.5				6.5		
272	001084	Nguyễn Anh Thy	11/05/2007	10A6	4.0	5.5	1.5	0.4	2.8	4.7		1.25	2.75	4.0	3.8	5.8				5.0		
273	001085	Bùi Mai Trang	06/11/2007	10A6	5.0	3.8	1.4	1.07	2.5	5.0		1	2.25	3.3	3.8	2.5				6.5		
274	001086	Hồ Thanh Tú	23/12/2007	10A6	6.8	5.0	1.4	1.33	5	7.7		1.75	3.25	5.0	7.5	6.5				9.3		
275	001087	Nguyễn Tường Vi	11/09/2006	10A6	5.0	5.5	1.5	0.67	3.8	6.0		1.75	3.75	5.5	7.8	8.3				9.5		
276	001088	Nguyễn Ngọc Luân Vũ	08/01/2007	10A6	3.3	6.5	1.4	0.93	4.9	7.2		1.75	1.25	3.0	5.3	6.3				5.5		
277	001089	Cao Thị Hoàng Yến	13/05/2007	10A6	5.0	6.8	1.3	1.47	5.5	8.3		0.75	2	2.8	2.3	5.5				4.5	VPQCT	
278	001090	Phan Nguyễn Phương An	08/12/2007	10A7	6.5	6.3	1.7	1.07	5.1	7.9	3.8					6.0	3.5	5.25	8.8	8.5		
279	001095	Hồ Nguyễn Quỳnh Anh	28/11/2007	10A7	6.8	5.3	1.4	0.93	5.1	7.4	3.8					7.5	2.75	6	8.8	9.5		
280	001098	Vũ Lan Anh	01/10/2007	10A7	7.0	7.0	1.4	1.2	4.7	7.3	5.0					6.0	1.5	6	7.5	7.8		
281	001104	Nguyễn Thanh Bình	16/10/2007	10A7	5.8	6.5	1.2	0.67	4.9	6.8	2.0					8.0	3.75	5.5	9.3	8.0		
282	001105	Nguyễn Đoàn Thy Cẩm	15/10/2007	10A7	7.5	8.0	1.4	1.47	5.1	8.0	3.8					8.5	3.5	6	9.5	9.0		
283	001107	Phạm Bảo Châu	07/12/2007	10A7	8.0	7.3	1.4	1.47	4.6	7.5	5.0					8.8	3.5	6	9.5	9.8		
284	001110	Lê Phúc Đạt	24/05/2007	10A7	7.0	6.8	1.1	0.8	4.2	6.1	5.5					8.5	3.75	6	9.8	9.5		
285	001114	Nguyễn Hoàng Gia Hân	10/04/2007	10A7	4.3	6.8	1.2	0.8	2.6	4.6	2.0					5.5	3.75	5	8.8	9.5		
286	001120	Nguyễn Công Huy	02/05/2007	10A7	5.0	6.3	1.4	1.07	4	6.5	2.5					5.3	3.25	5.5	8.8	5.3		
287	001121	Phạm Gia Huy	24/11/2007	10A7	2.8	5.3	1.4	0.4	2.2	4.0	1.8					6.5	2.5	4.5	7.0	6.0		
288	001132	Nguyễn Hoàng Anh Kiệt	04/07/2007	10A7	5.5	5.5	1.4	0.93	1.3	3.6	1.8					4.3	3	3.5	6.5	4.5		
289	001133	Nguyễn Hà Quế Lam	30/09/2007	10A7	8.8	7.8	1.4	1.6	5.4	8.4	6.8					9.8	3.75	5	8.8	9.5		
290	001134	Trần Khánh Linh	02/07/2007	10A7	7.3	5.3	1.4	0.4	5	6.8	2.3					7.3	2.25	4.75	7.0	9.5		
291	001136	Nguyễn Vũ Luân	11/07/2007	10A7	6.8	4.0	1.6	1.2	5.1	7.9	4.3					6.5	3.5	3.75	7.3	5.0		
292	001139	Nguyễn Ngọc Thảo My	25/03/2007	10A7	8.0	7.0	1.6	1.33	4.7	7.6	6.3					7.0	3.5	6	9.5	6.0		
293	001142	Nguyễn Phan Thúy Nga	03/11/2007	10A7	8.0	6.0	1.4	1.33	4.6	7.3	7.0					7.5	3.5	6	9.5	9.3		
294	001143	Hồ Thị Ngân	30/05/2007	10A7	7.3	8.5	1.4	1.07	5.3	7.8	6.3					7.5	3.75	5.5	9.3	9.0		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý		Hóa		Sinh	Sử	Địa			KTP	Ghi chú
							Nghe	TN	TL	TC		TN	TL	TC			TN	TL	TC		
295	001144	Huỳnh Thiên Ngân	16/12/2007	10A7	8.0	5.3	1.3	1.33	4.6	7.2	3.8					6.0	3	5.75	8.8	5.5	
296	001145	Lê Kim Ngân	31/10/2007	10A7	6.8	6.5	1.4	0.93	4.5	6.8	7.3					8.5	3.75	5.5	9.3	8.5	
297	001155	Bùi Huỳnh Thảo Như	05/02/2007	10A7	7.5	7.3	1.4	1.33	4.9	7.6	6.8					9.3	3.75	4.5	8.3	9.8	
298	001158	Trần Trịnh Duy Phong	21/07/2007	10A7	5.3	5.3	1.3	0.93	4.4	6.6	5.0					8.0	3	6	9.0	9.5	
299	001161	Dương Hồng Phúc	11/09/2007	10A7	5.0	5.8	1.3	1.2	4.7	7.2	4.5					5.5	2.5	6	8.5	6.0	
300	001163	Huỳnh Thị Nhã Phương	21/01/2007	10A7	4.5	5.8	1.4	1.07	3.9	6.4	2.0					5.8	3.25	5.25	8.5	6.0	
301	001164	Dương Đăng Quang	09/12/2007	10A7	6.8	6.8	1.2	0.67	4.8	6.7	5.0					5.0	3.75	4.75	8.5	9.8	
302	001165	Nguyễn Trần Hoàng Quân	10/12/2007	10A7	3.0	7.5	1.5	0.93	3.4	5.8	2.5					6.8	3.25	5	8.3	6.5	
303	001168	Lê Nguyễn Như Quỳnh	02/11/2007	10A7	5.8	6.5	1.5	1.07	2.6	5.2	0.5					8.0	3.5	5.75	9.3	6.3	
304	001170	Thạch Sanh	20/04/2007	10A7	5.5	6.3	1.3	0.8	1.4	3.5	3.3					3.5	3.5	5.5	9.0	9.0	
305	001171	Phạm Tấn Tài	10/12/2007	10A7	5.5	6.0	1.5	0.67	0.4	2.6	3.3					7.8	3.25	4.75	8.0	5.8	
306	001176	Vũ Tiến Thành	22/03/2007	10A7	5.0	5.8	1.4	0.93	2.6	4.9	1.3					5.5	2.75	6	8.8	8.5	
307	001177	Phan Diệu Thảo	09/12/2007	10A7	6.5	7.5	1.7	1.33	5.4	8.4	5.8					5.5	3.75	6	9.8	5.3	
308	001183	Nguyễn Thị Minh Thư	22/02/2007	10A7	5.5	6.0	1.3	0.53	4.1	5.9	3.8					7.0	2.25	4.75	7.0	6.5	
309	001187	Đặng Cát Tiên	17/05/2007	10A7	7.0	7.0	1.2	1.07	5	7.3	7.8					8.5	3.75	6	9.8	9.0	
310	001189	Nguyễn Đình Tiến	29/11/2007	10A7	3.8	6.3	1.4	1.07	4	6.5	5.0					8.0	3.25	5	8.3	9.3	
311	001192	Nguyễn Bá Toàn	27/12/2006	10A7	3.3	6.8	1.4	0.53	0.9	2.8	1.0					5.0	2.25	3	5.3	3.5	
312	001193	Nguyễn Thị Bé Trâm	09/04/2007	10A7	7.8	7.0	1.5	0.93	3.8	6.2	2.0					7.5	3.25	5.5	8.8	6.5	
313	001195	Nguyễn Minh Trí	09/11/2007	10A7	7.5	7.5	1.2	0.93	3.5	5.6	5.0					7.8	2.75	5.5	8.3	7.5	
314	001198	Vũ Danh Trọng	30/01/2007	10A7	4.5	3.5	1.3	0.8	2.9	5.0	1.0					4.8	1.5	5.5	7.0	4.5	
315	001202	Nguyễn Minh Trường	24/02/2007	10A7	3.5	5.3	1.3	0.53	1.7	3.5	1.5					3.8	2.5	4.75	7.3	4.5	
316	001205	Nguyễn Thị Thu Vân	28/02/2007	10A7	7.0	7.5	1.3	1.33	4.8	7.4	3.3					7.5	3.25	4.75	8.0	5.5	
317	001206	Lê Thế Việt	16/10/2007	10A7	5.0	4.5	1.4	0.93	4.3	6.6	1.3					6.0	3.25	5	8.3	3.5	
318	001207	Hoàng Quang Vinh	30/05/2007	10A7	3.5	7.8	1.4	0.93	4.5	6.8	2.5					7.5	3.5	4.25	7.8	8.5	
319	001091	Trần Ngọc Khánh An	07/03/2006	10A8	5.0	5.8	1.5	1.33	3.7	6.5	3.5					7.5	3.5	5	8.5	6.0	
320	001096	Lê Ngô Tuấn Anh	02/11/2007	10A8	8.0	5.5	2	1.07	5.4	8.5	5.0					5.5	2.75	5.75	8.5	6.5	
321	001099	Trần Gia Ân	16/11/2007	10A8	3.5	5.5	1.5	0.8	2	4.3	3.0					6.5	3	5.75	8.8	6.5	
322	001100	Nguyễn Đình Hoàng Bảo	20/07/2007	10A8	6.0	5.0	1.3	1.33	4.9	7.5	2.5					5.3	2.25	5.5	7.8	5.0	
323	001102	Trần Gia Bảo	15/03/2007	10A8	6.5	6.5	1.6	0.93	4	6.5	4.3					7.5	2.75	5.5	8.3	9.5	
324	001108	Nguyễn Hồ Quốc Danh	26/08/2007	10A8	5.3	6.0	1.7	0.53	4.5	6.7	2.5					8.0	3.25	5.5	8.8	5.0	
325	001111	Lê Quang Đạt	27/09/2007	10A8	6.3	5.5	1.7	1.33	4.6	7.6	2.8					6.0	3.75	5	8.8	6.5	
326	001112	Nguyễn Thành Đạt	20/10/2006	10A8	0.0	5.0	1.7	0.67	2	4.4	0.0					1.3	1.25	2	3.3	2.0	
327	001113	Trần Tiến Thành Đạt	18/03/2007	10A8	3.0	3.8	1.6	1.2	3.7	6.5	0.0					6.5	3.5	6	9.5	4.5	
328	001115	Võ Nguyễn Ngọc Hân	26/06/2007	10A8	3.8	3.5	1.3	0.4	2.1	3.8	2.0					4.3	2	3.5	5.5	5.5	
329	001118	Nguyễn Gia Hoàng	27/02/2007	10A8	5.0	5.3	1.5	0.93	3.8	6.2	0.5					5.5	2.5	5.75	8.3	4.0	
330	001119	Trần Đồng Huy Hoàng	30/06/2007	10A8	6.5	5.5	1.7	0.67	3.3	5.7	7.8					7.3	2.75	5.75	8.5	6.0	
331	001122	Nguyễn Mai Huyền	08/04/2007	10A8	4.0	5.0	1.3	0.8	3.5	5.6	3.0					5.0	2.75	5.25	8.0	4.5	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý		Hóa		Sinh	Sử	Địa			KTPL	Ghi chú
							Nghe	TN	TL	TC		TN	TL	TC			TN	TL	TC		
332	001123	VÕ NGUYỄN XUÂN HƯƠNG	04/08/2007	10A8	5.0	5.0	1.4	0.67	3.3	5.4	4.3					8.0	3.25	5.25	8.5	7.8	
333	001127	Sơn Đăng Khoa	06/11/2007	10A8	6.0	6.5	1.5	0.93	3.8	6.2	4.0					5.3	3.25	5.75	9.0	4.5	
334	001128	Đồng Văn Anh Khôi	28/02/2007	10A8	8.3	5.3	1.6	1.2	3	5.8	4.0					4.5	2.25	4.25	6.5	3.5	
335	001130	Lê Minh Khôi	15/12/2007	10A8	1.3	5.0	1.5	0.67	3.6	5.8	0.0					4.0	1.5	3.5	5.0	3.5	
336	001137	Bùi Thảo Ly	04/01/2007	10A8	7.5	8.3	1.7	1.33	5.2	8.2	6.0					9.8	3	4.25	7.3	9.0	
337	001138	Trần Ngọc Minh	26/04/2007	10A8	3.8	6.8	1.7	1.07	5.1	7.9	4.0					7.5	3.75	5.5	9.3	8.0	
338	001146	Lê Thị Ánh Ngọc	23/02/2007	10A8	3.8	5.0	1.6	0.8	3.4	5.8	5.5					7.5	2.75	4.25	7.0	2.7	VPQCT
339	001147	Ngô Thị Thảo Nguyên	04/06/2007	10A8	7.3	5.8	1.7	1.6	5.4	8.7	6.3					7.0	3.25	4.75	8.0	7.0	
340	001149	Nguyễn Thiện Nhân	27/05/2007	10A8	3.8	5.5	1.7	0.53	2.4	4.6	3.3					6.5	2.5	6	8.5	6.0	
341	001153	Ma Thị Khánh Nhi	20/06/2007	10A8	7.3	5.3	1.7	1.2	4.9	7.8	7.0					9.0	3	6	9.0	9.5	
342	001156	Châu Thảo Như	23/02/2007	10A8	6.8	6.0	1.3	0.67	3.8	5.8	7.3					8.0	3.25	5.75	9.0	9.5	
343	001162	Võ Kiều Như Phúc	24/06/2007	10A8	3.0	5.0	1.7	1.07	3	5.8	0.5					6.3	2.25	3.75	6.0	5.8	
344	001167	Lê Khánh Quỳnh	18/09/2007	10A8	3.0	5.5	1.6	1.07	3.8	6.5	2.3					5.5	3.25	6	9.3	6.0	
345	001174	Hoàng Gia Thạch	16/04/2007	10A8	6.0	6.5	1.4	0.93	5	7.3	7.8					6.3	3.5	6	9.5	9.0	
346	001175	Nguyễn Việt Thành	09/11/2007	10A8	6.0	4.3	1.4	0.8	4.9	7.1	5.5					8.0	4	5.5	9.5	8.8	
347	001178	Sâm Thị Thanh Thảo	07/01/2007	10A8	5.3	6.8	1.6	1.07	5.1	7.8	6.0					8.3	2.75	5.5	8.3	9.8	
348	001179	Trương Thị Thanh Thảo	23/11/2006	10A8	3.5	5.3	1.1	0.67	3.4	5.2	1.0					5.3	1.75	3	4.8	3.5	
349	001180	Nguyễn Trần Anh Thế	18/06/2007	10A8	2.0	5.0	1.4	0.53	1.4	3.3	2.8					6.3	2.5	6	8.5	7.0	
350	001182	Nguyễn Minh Thư	14/02/2007	10A8	5.5	6.3	1.5	1.2	5.3	8.0	7.3					9.3	3.5	6	9.5	6.3	
351	001184	Trương Thị Anh Thư	11/07/2007	10A8	3.0	4.5	1.3	1.2	3	5.5	2.0					3.5	1.5	3	4.5	5.0	
352	001191	Trần Minh Tiến	02/11/2007	10A8	5.0	6.5	1.1	0.67	3.7	5.5	4.0					8.5	2.5	2	4.5	2.5	
353	001194	Phan Bùi Bảo Trâm	25/09/2007	10A8	5.0	5.8	1.8	0.93	3.4	6.1	3.8					6.0	2.5	4.75	7.3	6.5	
354	001196	Lê Huỳnh Phương Trinh	20/07/2007	10A8	5.8	6.5	1.3	0.67	4.2	6.2	0.0					4.5	2	5	7.0	5.8	
355	001201	Nguyễn Thành Trung	02/10/2007	10A8	4.5	3.5	1.5	1.07	3	5.6	0.5					2.0	2	4.5	6.5	2.0	
356	001203	Phạm Trọng Trường	25/10/2007	10A8	4.0	6.0	1.6	1.07	5	7.7	5.0					7.5	3.75	6	9.8	8.3	
357	001208	HUỲNH NGỌC PHƯƠNG VY	18/11/2007	10A8	6.0	7.5	1.5	0.93	3.7	6.1	3.0					9.0	3.25	5.75	9.0	6.0	
358	001209	Huỳnh Nguyễn Xuân Vy	03/09/2007	10A8	2.0	7.0	1.5	0.53	2.1	4.1	2.8					4.0	1.75	3	4.8	6.0	
359	001210	Lê Phương Vy	20/01/2007	10A8	3.0	7.3	1.6	1.33	4	6.9	3.5					7.0	2	4	6.0	7.3	
360	001092	Bùi Nguyễn Thái Hoàng Anh	19/10/2007	10A9	1.3	7.8	1.6	0.8	4.5	6.9	1.0					6.5	2.5	6	8.5	7.0	
361	001093	Đồng Thị Vàng Anh	17/04/2007	10A9	2.3	5.5	1.5	1.33	4.1	6.9	5.3					5.3	2.25	6	8.3	6.3	
362	001094	Hàm Tuấn Anh	15/03/2007	10A9	6.3	6.5	1.6	1.33	4.6	7.5	1.0					3.5	2.75	5.5	8.3	6.0	VPQCT
363	001097	Phí Phương Anh	03/06/2007	10A9	3.0	5.8	1.4	0.8	4.2	6.4	0.3					7.8	3.25	6	9.3	8.0	
364	001101	Nguyễn Trường Gia Bảo	13/11/2007	10A9	1.0	5.0	1.5	0.93	3.6	6.0	0.0					5.0	0.75	3.25	4.0	4.0	
365	001103	Nguyễn Nghiêm Bảo Bình	19/01/2007	10A9	3.0	8.0	1.8	1.33	6	9.1	2.5					6.3	2.25	4.5	6.8	5.5	
366	001106	Nguyễn Thị Bích Châm	24/09/2007	10A9	2.0	5.0	1.5	0.53	1.4	3.4	0.0					5.8	1	4	5.0	4.0	
367	001109	Kiều Ngọc Diễm	02/03/2007	10A9	6.3	6.3	1.5	1.6	5.3	8.4	2.3					5.5	2.25	6	8.3	5.5	
368	001116	Lương Trần Quỳnh Hoa	09/10/2007	10A9	5.8	5.8	1.6	1.33	5	7.9	2.8					5.8	3.5	6	9.5	4.8	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý		Hóa		Sinh	Sử	Địa			KTPL	Ghi chú
							Nghe	TN	TL	TC		TN	TL	TC			TN	TL	TC		
369	001117	Nguyễn Thị Hòa	07/05/2007	10A9	4.3	6.3	1.5	0.67	3	5.2	0.5					1.3	2.75	3.5	6.3	6.0	
370	001124	Lê Thị Thanh Hương	30/08/2007	10A9	7.8	7.0	1.7	1.2	5.3	8.2	8.3					8.5	3.75	6	9.8	9.8	
371	001125	Đào Duy Khải	15/05/2007	10A9	2.0	4.8	1.4	1.07	0.8	3.3	0.3					5.3	2	3.75	5.8	3.0	
372	001126	Nguyễn Đăng Khoa	02/02/2007	10A9	6.8	6.3	1.7	1.47	4.5	7.7	2.8					5.3	3.5	4.25	7.8	3.0	
373	001129	Lê Đăng Khôi	20/09/2007	10A9	3.8	4.5	1.5	1.2	5.6	8.3	2.0					8.0	3.25	5.25	8.5	5.3	
374	001131	Nguyễn Chi Kiên	07/02/2007	10A9	3.3	5.3	1.6	1.07	4.7	7.4	5.0					5.5	2.75	5.25	8.0	9.0	
375	001135	Trương Nhật Long	08/11/2006	10A9	7.0	5.3	1.6	0.67	3.7	6.0	1.8					4.8	2.5	4.75	7.3	3.0	
376	001140	Phạm Lê Thảo My	28/04/2007	10A9	5.3	6.0	1.5	0.93	4.1	6.5	5.5					7.5	3.5	6	9.5	3.3	
377	001141	Thân Tấn Nam	16/09/2007	10A9	3.3	6.8	1.6	1.07	4.7	7.4	2.5					6.5	3.75	6	9.8	5.5	
378	001148	Nguyễn Phước Quý Nguyên	07/06/2007	10A9	6.0	6.5	1.5	0.8	4.3	6.6	3.5					6.5	3	4.25	7.3	7.3	
379	001150	Lê Minh Nhật	01/07/2007	10A9	3.5	5.3	1.7	0.93	5.7	8.3	1.3					7.8	3.25	5.25	8.5	5.5	
380	001151	Nguyễn Thanh Nhật	16/03/2007	10A9	7.8	6.3	1.6	0.53	4.9	7.0	5.8					7.8	3.5	6	9.5	8.3	
381	001152	Châu Thị Tuyết Nhi	11/10/2007	10A9	7.8	6.0	1.5	1.6	4.8	7.9	6.5					9.0	3.5	6	9.5	9.8	
382	001154	Phạm Quỳnh Ngọc Nhi	12/04/2007	10A9	2.5	4.5	1.6	0.93	4.7	7.2	2.8					5.0	2.75	5.25	8.0	3.3	
383	001157	NGUYỄN HỮU PHÁT	01/02/2007	10A9	5.5	5.5	1.8	1.33	3.6	6.7	1.0					3.5	2.25	5	7.3	5.3	
384	001159	Nguyễn Minh Phú	15/11/2007	10A9	5.5	4.3	1.5	0.8	4	6.3	5.0					7.0	2.25	5.5	7.8	6.3	
385	001160	Cao Văn Hoàng Phúc	16/08/2007	10A9	5.8	5.0	1.5	1.2	3.3	6.0	4.0					6.3	2.25	3.75	6.0	5.5	
386	001166	Trần Huỳnh Thành Quý	13/06/2007	10A9	1.5	7.5	1.8	0.8	4.3	6.9	1.3					4.5	1.75	3	4.8	4.0	
387	001169	Nguyễn Đặng Ngọc Sang	17/04/2007	10A9	6.5	7.3	1.5	0.67	3.5	5.7	1.3					6.5	3.5	5.75	9.3	6.3	
388	001172	Trần Minh Tâm	05/07/2007	10A9	2.5	6.0	1.4	0.93	4.5	6.8	3.8					6.5	3.5	5	8.5	7.8	
389	001173	PHẠM ĐỨC THIỆN	31/10/2007	10A9	1.5	5.3	1.5	0.4	1.9	3.8	1.3					5.5	3.25	4.5	7.8	5.3	
390	001181	Võ Hữu Thọ	26/03/2007	10A9	7.5	6.5	1.3	0.93	3.3	5.5	4.0					6.0	3	5.25	8.3	3.8	
391	001185	Từ Anh Thư	26/06/2007	10A9	2.8	8.3	1.5	1.2	4.9	7.6	4.3					6.3	3.25	5.5	8.8	7.8	
392	001186	Nguyễn Hoàng Minh Thy	08/06/2007	10A9	8.5	6.0	1.7	0.8	4.4	6.9	4.5					4.8	2.5	5.75	8.3	6.3	
393	001188	Nguyễn Phụng Tiên	22/12/2007	10A9	6.5	6.8	1.5	1.33	3.7	6.5	7.8					5.5	1.75	6	7.8	8.0	
394	001190	Phạm Quang Tiến	26/05/2007	10A9	3.5	8.0	1.5	0.93	5	7.4	2.3					6.5	3	5	8.0	5.0	
395	001197	Nguyễn Kiều Thiên Trinh	30/11/2007	10A9	5.8	6.3	1.5	0.93	3.6	6.0	3.3					7.0	3.25	6	9.3	9.0	
396	001199	Trần Ngọc Thanh Trúc	07/09/2007	10A9	5.0	7.0	1.5	1.47	4.7	7.7	2.3					6.8	3	6	9.0	6.5	
397	001200	Nguyễn Doãn Trung	08/10/2007	10A9	5.0	5.5	1.8	1.07	3.7	6.6	0.5					3.3	2	2.75	4.8	3.0	
398	001204	Bùi Thị Phương Uyên	18/08/2007	10A9	4.3	7.0	1.6	1.2	5.4	8.2	8.3					7.0	3	4.75	7.8	9.5	
399	001211	Lê Hồng Xuyến	07/06/2007	10A9	5.5	8.0	1.4	1.07	4.8	7.3	7.5					8.5	3.5	5.5	9.0	9.3	
400	001212	Nguyễn Thị Hải Yến	03/03/2007	10A9	7.3	7.0	1.5	1.33	5.6	8.4	7.3					5.0	3.5	6	9.5	7.0	
401	001213	ĐÀO NHẬT ANH	02/02/2007	10A10	2.8	4.5	1.5	1.07	4.1	6.7					5.3	7.0	3.75	5.25	9.0	5.5	
402	001219	Lê Hoàng Quỳnh Anh	28/08/2007	10A10	6.0	6.3	1.2	0.8	4.2	6.2					7.3	5.8	2.5	5.25	7.8	7.5	
403	001222	Nguyễn Ngọc Phương Anh	03/07/2007	10A10	3.5	6.0	1.2	0.93	3.4	5.5					5.0	7.0	1.75	3	4.8	6.0	
404	001233	Lê Trần Bảo Duyên	17/04/2007	10A10	5.0	6.0	1.3	0.8	4.2	6.3					6.5	8.0	3.5	3	6.5	6.0	
405	001235	Hoàng Tiến Đạt	05/12/2007	10A10	5.0	6.5	1.6	1.33	4.2	7.1					6.5	6.0	3.75	5	8.8	9.0	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý		Hóa		Sinh	Sử	Địa			KTPL	Ghi chú
							Nghe	TN	TL	TC		TN	TL	TC			TN	TL	TC		
406	001236	Nguyễn Tiến Đạt	20/12/2007	10A10	1.8	4.5	1.7	1.2	2.6	5.5					3.5	4.3	2.5	4	6.5	8.0	
407	001238	Nguyễn Hải Đăng	28/04/2007	10A10	3.5	5.3	1.6	1.33	3.4	6.3					6.3	7.0	2.5	5.5	8.0	6.0	
408	001241	Lê Hoàng Ngọc Giàu	20/04/2007	10A10	6.5	5.3	1.5	1.6	5.2	8.3					7.5	6.5	3	5.5	8.5	6.0	
409	001243	Nguyễn Thị Thu Hà	06/01/2007	10A10	4.5	6.8	1.3	0.93	3.1	5.3					5.5	7.3	2.5	5.5	8.0	6.0	
410	001245	Bùi Hiếu Hạnh	20/01/2007	10A10	5.3	6.8	1.5	1.47	5.6	8.6					4.5	3.8	2	4.25	6.3	6.0	
411	001250	Nguyễn Thị Ngọc Hân	31/01/2007	10A10	5.8	6.3	1.5	1.47	5.2	8.2					6.3	7.8	3.75	4.25	8.0	8.5	
412	001252	Phan Nguyễn Chí Hiếu	14/01/2007	10A10	5.0	6.0	1.5	0.67	3.9	6.1					5.8	6.5	1.5	2.5	4.0	5.0	
413	001254	Đỗ Sĩ Hùng	06/03/2007	10A10	2.8	4.8	1.5	1.07	1.2	3.8					6.0	5.5	2.5	5.75	8.3	5.5	
414	001258	Trần Quốc Huy	15/11/2007	10A10	7.5	7.5	1.5	1.2	5.2	7.9					8.0	8.8	3.75	6	9.8	9.5	
415	001266	Nguyễn Tiến Nguyên Khôi	29/05/2007	10A10	3.5	6.8	1.6	1.2	2.4	5.2					6.8	7.0	3.75	5.75	9.5	9.5	
416	001270	Trương Huệ Lâm	30/07/2007	10A10	5.5	5.8	1.3	1.07	4	6.4					5.3	7.8	3.75	6	9.8	5.5	
417	001276	Phạm Nguyễn Phi Long	27/09/2007	10A10	1.5	7.5	1.4	1.33	3.3	6.0					2.8	5.3	2.5	2.75	5.3	6.0	
418	001282	LƯƠNG KHẢI MẠNH	27/10/2007	10A10	0.5	6.8	1.5	0.4	2	3.9					5.0	4.0	2.25	4.5	6.8	5.0	
419	001283	Bùi Thị Phương Mai	01/01/2007	10A10	5.0	5.8	1.2	1.6	4.6	7.4					8.8	6.8	3.25	5.75	9.0	7.0	
420	001284	Nguyễn Văn Mạnh	19/11/2007	10A10	5.8	7.8	1.2	0.8	3.4	5.4					6.0	6.3	3.5	5.5	9.0	8.0	
421	001286	Dương Hà Mi	14/07/2007	10A10	6.3	6.0	1.5	0.93	5	7.4					6.3	6.8	3.5	6	9.5	7.0	
422	001288	Hoàng Văn Minh	24/11/2007	10A10	2.0	4.5	1.5	0.67	1.7	3.9					5.8	5.0	2.25	4	6.3	7.0	
423	001298	Nguyễn Bảo Ngọc	19/04/2007	10A10	5.0	6.8	1.7	1.33	4.2	7.2					5.5	7.0	3.25	5.75	9.0	9.5	
424	001300	Phan Bảo Ngọc	09/11/2007	10A10	2.3	5.8	1.7	0.93	3.6	6.2					5.3	4.0	2.5	3	5.5	2.5	
425	001305	Nguyễn Thị Yến Nhi	04/04/2007	10A10	5.0	7.5	1.5	0.67	4.2	6.4					5.8	6.8	3.25	6	9.3	9.0	
426	001306	Hứa Phạm Hồng Nhung	16/10/2007	10A10	5.5	8.3	1.6	0.67	4.3	6.6					6.3	7.8	3.5	4.25	7.8	7.0	
427	001320	Nguyễn Chánh Phúc	06/03/2007	10A10	2.5	8.3	1.4	1.33	3.7	6.4					5.5	6.5	3.25	4	7.3	8.0	
428	001324	Đinh Nam Phương	14/11/2007	10A10	3.3	7.3	1.6	0.93	4.5	7.0					5.8	7.5	2.5	4.25	6.8	7.0	
429	001325	Lê Vũ Thu Phương	29/11/2007	10A10	6.5	6.3	1.5	1.33	5	7.8					6.3	6.5	3	5	8.0	9.0	
430	001332	Phạm Hoàng Sang	08/08/2007	10A10	2.8	8.5	1.6	1.33	5.1	8.0					8.3	6.5	3	6	9.0	5.5	
431	001335	Nguyễn Tống Phương Thảo	10/10/2007	10A10	5.5	7.0	1.5	0.93	4.2	6.6					6.0	8.5	3	6	9.0	9.0	
432	001340	Nguyễn Thanh Thúy	06/11/2007	10A10	1.8	5.0	1.3	0.67	2.2	4.2					5.5	3.8	2.75	5	7.8	1.5	VPQCT
433	001346	Nguyễn Ngô Anh Thư	05/08/2006	10A10	3.5	6.8	1.5	0	2.5	4.0					5.5	5.0	2.75	4	6.8	3.0	
434	001350	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	26/12/2007	10A10	5.5	6.0	1.5	1.07	5	7.6					6.5	7.0	2.75	5.75	8.5	3.0	
435	001357	Nguyễn Thị Thủy Tiên	18/04/2007	10A10	6.0	8.3	1.6	1.07	5.8	8.5					8.3	9.8	3	6	9.0	9.0	
436	001360	NGUYỄN THỊ BẢO TRÂM	12/10/2007	10A10	4.0	5.3	1.2	0.8	3.2	5.2					6.3	6.3	2	4.5	6.5	5.0	
437	001364	Hồ Thị Ngọc Trâm	30/10/2006	10A10	5.0	5.0	1.7	0.8	3.4	5.9					7.3	5.5	2	5.75	7.8	5.8	
438	001367	Phan Nguyễn Thanh Tuyền	06/07/2007	10A10	7.3	7.5	1.4	1.07	4.6	7.1					8.3	8.5	3.5	5.75	9.3	9.0	
439	001374	Huỳnh Thái Vũ	03/10/2007	10A10	1.5	6.0	1.3	0.67	1.2	3.2					6.5	8.0	2.25	4.25	6.5	5.0	
440	001380	Nguyễn Ngọc Như Ý	30/04/2007	10A10	5.3	7.5	1.2	1.33	5	7.5					7.8	9.0	3.75	6	9.8	9.0	
441	001214	Đỗ Trọng Minh An	11/05/2007	10A11	3.3	6.3	1.4	1.07	5.3	7.8					7.5	7.0	2.5	2.5	5.0	8.5	
442	001218	Hoàng Nguyễn Quỳnh Anh	27/11/2007	10A11	1.3	7.3	1.5	0.8	4	6.3					7.5	6.5	3.5	5	8.5	5.0	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý			Hóa		Sinh	Sử	Địa			KTP	Ghi chú
							Nghe	TN	TL	TC		TN	TL	TC	TN			TL	TC			
443	001220	Nguyễn Đỗ Phương Anh	25/10/2007	10A11	2.8	6.3	1.5	0.8	3.9	6.2						5.3	5.5	2.25	4.5	6.8	5.0	
444	001223	Nguyễn Quỳnh Trâm Anh	13/08/2007	10A11	5.0	5.5	1.6	0.8	5	7.4						5.0	6.5	2.25	5	7.3	7.5	
445	001224	Phạm Ngọc Vân Anh	25/12/2007	10A11	2.3	7.5	1.8	1.33	4.7	7.8						5.3	7.0	3	4.5	7.5	8.0	
446	001225	Phan Ngọc Quỳnh Anh	08/04/2007	10A11	6.3	6.5	1.5	1.33	5.5	8.3						7.3	8.0	3.25	6	9.3	9.5	
447	001234	Nguyễn Thị Hồng Đào	24/01/2007	10A11	5.3	6.5	1.4	1.07	4.2	6.7						6.5	6.3	3	5.5	8.5	9.0	
448	001242	Lâm Minh Hà	05/12/2007	10A11	1.8	5.8	1.7	0.8	3.3	5.8						7.0	8.5	2.75	6	8.8	2.3	VPQCT
449	001246	Bùi Thị Ngọc Hảo	01/03/2006	10A11	2.0	6.0	1.5	0.53	4.8	6.8						4.3	4.3	3	4.25	7.3	6.8	
450	001247	Võ Ngọc Hoàn Hảo	10/11/2007	10A11	0.8	5.0	1.2	1.07	3.6	5.9						6.8	5.3	1.75	4.75	6.5	9.0	
451	001256	Lê Nguyễn Quang Huy	30/09/2007	10A11	3.3	6.3	1.2	0.93	4.4	6.5						7.3	5.8	3.5	5	8.5	7.5	
452	001259	Nguyễn Thị Thanh Hương	26/12/2007	10A11	2.0	7.3	1.7	1.07	5.1	7.9						6.3	8.0	3	5.75	8.8	9.0	
453	001261	Đặng Hoài Khang	20/11/2007	10A11	3.8	5.8	1.5	1.2	4.5	7.2						7.3	6.5	4	5.25	9.3	9.5	
454	001262	Huỳnh Duy Khang	20/09/2007	10A11	5.0	5.0	1.5	1.47	4.9	7.9						4.3	3.8	2	5.75	7.8	4.0	
455	001265	Đặng Minh Khôi	17/07/2007	10A11	1.8	6.3	1.1	0.67	4.1	5.9						6.8	7.5	1.75	5.5	7.3	6.0	
456	001268	Nguyễn Võ Sông Lan	05/12/2007	10A11	5.0	6.5	1.4	1.07	5	7.5						8.3	7.8	4	6	10.0	9.8	
457	001269	Trần Thị Kim Lan	29/04/2007	10A11	2.5	6.0	1.2	1.47	4.2	6.9						7.5	6.0	3.75	5.5	9.3	6.5	
458	001279	Đoàn Thanh Lộc	05/10/2006	10A11	3.5	6.0	1.1	1.07	4.7	6.9						7.0	8.8	2.5	5.75	8.3	9.8	
459	001281	Huỳnh Ngọc Thảo Ly	15/05/2007	10A11	4.0	5.0	1.2	0.93	4.4	6.5						6.8	6.5	2.75	5.5	8.3	8.0	
460	001287	Võ Thị A Mí	21/05/2007	10A11	3.5	7.0	1.4	0.67	1.8	3.9						5.5	7.3	3.25	5.75	9.0	6.0	
461	001289	Nguyễn Hoàng Minh	27/06/2007	10A11	4.3	5.3	1.6	0.93	4.5	7.0						7.5	8.8	4	6	10.0	6.0	
462	001296	Đặng Trí Nghĩa	06/05/2007	10A11	0.3	5.5	1.2	0.67	0.7	2.6						5.5	7.0	3.5	5.75	9.3	6.3	
463	001297	Nguyễn Minh Nghĩa	23/02/2007	10A11	1.0	6.0	1.4	0.27	1.5	3.2						6.0	8.3	3.75	4.25	8.0	7.5	
464	001301	Trần Thị Bảo Ngọc	01/04/2007	10A11	2.3	6.8	1.7	1.07	4.7	7.5						8.0	6.3	2.5	4.75	7.3	9.5	
465	001303	Lê Nguyễn Trọng Nhất	03/04/2007	10A11	3.0	7.0	1.5	0.8	4.4	6.7						4.0	7.5	2.5	5.5	8.0	6.3	
466	001307	Lê Ngọc Bảo Như	30/08/2007	10A11	3.0	5.8	1.5	1.07	4.8	7.4						7.3	6.8	2.75	5.25	8.0	6.0	
467	001308	Lương Ngọc Bảo Như	25/02/2007	10A11	2.3	7.0	1.8	0.53	1.9	4.2						7.0	7.3	2.5	5.25	7.8	9.5	
468	001313	Cao Võ Thục Oanh	12/02/2007	10A11	1.8	5.5	1.5	1.07	3.7	6.3						6.3	5.0	3.75	6	9.8	6.0	
469	001317	Tạ Nguyễn Ái Phi	29/11/2007	10A11	4.0	7.0	1.5	1.07	5.2	7.8						8.0	8.5	3.5	6	9.5	9.0	
470	001329	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	07/11/2007	10A11	2.5	5.3	1.2	1.33	5.4	7.9						4.8	4.8	1.5	2.5	4.0	5.5	
471	001331	Vũ Đỗ Như Quỳnh	26/02/2007	10A11	4.0	7.3	1.4	0.93	5.3	7.6						6.5	7.5	3	5	8.0	9.5	
472	001337	Trần Ngọc Mai Thi	14/10/2007	10A11	3.5	5.5	1.7	0.4	3.5	5.6						4.5	4.5	2.75	5	7.8	5.5	
473	001338	Vũ Mạnh Thiêm	04/01/2006	10A11	5.3	6.0	1.8	0.67	5	7.5						5.5	6.0	2.5	4.5	7.0	5.5	
474	001339	Trần Ngọc Thọ	15/05/2007	10A11	2.0	5.0	1.3	0.53	1.4	3.2						6.0	6.5	2	1.5	3.5	3.5	
475	001341	Đỗ Nguyễn Anh Thư	19/04/2007	10A11	6.3	7.3	1.7	0.53	5.2	7.4						7.5	7.8	4	6	10.0	9.5	
476	001342	Nguyễn Đỗ Anh Thư	29/11/2007	10A11	6.3	7.8	1.2	0.53	3.9	5.6						6.3	6.0	3.5	6	9.5	8.5	
477	001351	TRẦN THỊ CẨM TIẾN	27/03/2007	10A11	1.0	5.0	1.4	0.8	4.2	6.4						5.8	6.5	2.75	5	7.8	6.5	
478	001358	Lê Đăng Tiến	13/07/2007	10A11	3.3	5.5	1.4	0.8	4.9	7.1						7.5	7.0	3.25	5.5	8.8	9.5	
479	001359	Trần Hoàng Tiến	09/02/2007	10A11	3.5	6.0	1.4	1.07	3.9	6.4						5.8	6.0	2.75	5	7.8	6.5	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý		Hóa		Sinh	Sử	Địa			KTPL	Ghi chú
							Nghe	TN	TL	TC		TN	TL	TC			TN	TL	TC		
480	001362	Lê Thị Thu Trang	29/01/2007	10A11	1.3	5.8	1.5	0.93	1.5	3.9					6.0	8.0	2.25	5.75	8.0	9.5	
481	001369	Nguyễn Ngọc Thảo Uyên	26/05/2007	10A11	5.0	7.5	1.5	1.33	5.7	8.5					7.5	10.0	4	5.75	9.8	9.0	
482	001375	Nguyễn Hoài Vũ	19/10/2007	10A11	3.0	8.0	1.6	0.93	5.7	8.2					8.0	7.8	3.5	5.5	9.0	8.0	
483	001377	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	07/10/2007	10A11	5.8	5.8	1.7	1.33	5	8.0					4.0	7.5	3.25	5	8.3	9.5	
484	001378	Nguyễn Thanh Nhật Vy	28/05/2007	10A11	1.8	5.8	1.5	1.07	4.3	6.9					7.5	7.8	4	6	10.0	9.5	
485	001221	Nguyễn Đức Anh	14/01/2007	10A12	3.0	4.3	1.1	0.4	1.4	2.9					3.8	2.8	1.25	3.5	4.8	3.0	
486	001226	Trần Lan Anh	29/10/2007	10A12	2.8	6.8	0.7	1.47	4.9	7.1					5.0	4.8	4	5.25	9.3	7.5	
487	001227	Trần Ngọc Tú Anh	19/07/2007	10A12	6.0	8.0	1.5	0.93	4	6.4					6.5	8.0	3.75	5.5	9.3	8.5	
488	001231	Lê Nguyễn Hồng Châu	26/07/2007	10A12	5.0	5.8	0.7	0.8	4.4	5.9					6.3	7.5	4	5.25	9.3	9.5	
489	001232	Nguyễn Đoàn Phương Dung	23/03/2007	10A12	5.0	5.5	1.5	1.33	5.8	8.6					6.0	6.0	3.25	5.75	9.0	9.0	
490	001237	Vũ Tiến Đạt	27/11/2007	10A12	4.0	7.3	1.5	1.33	4.8	7.6					5.0	7.5	3.5	4.25	7.8	8.5	
491	001249	Nguyễn Quỳnh Hân	16/08/2006	10A12	6.3	6.8	1.3	0.67	3.1	5.1					7.0	7.0	3.5	6	9.5	7.5	
492	001257	Nguyễn Khánh Huy	16/09/2007	10A12	4.0	5.0	0.5	1.2	5.7	7.4					3.5	7.5	3.75	5.5	9.3	5.5	
493	001260	LÊ VĨ KHANG	26/01/2007	10A12	6.3	7.3	1.2	0.67	4.3	6.2					5.8	8.5	4	5.75	9.8	9.5	
494	001263	Ngô Nguyễn Khang	07/02/2007	10A12	3.0	7.0	1.4	1.6	5.4	8.4					4.3	6.8	3	6	9.0	7.5	
495	001272	Lê Nguyễn Phương Linh	22/10/2007	10A12	5.0	7.0	1.5	1.2	4.4	7.1					7.5	6.5	4	5.75	9.8	9.8	
496	001274	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	21/09/2007	10A12	5.8	5.8	1.7	1.73	5.7	9.1					7.8	8.5	4	6	10.0	9.8	
497	001277	Phạm Hoàng Long	22/08/2006	10A12	3.5	6.3	1.5	0.93	3.2	5.6					4.8	4.5	2.5	5	7.5	8.5	
498	001278	Trần Thành Long	06/09/2007	10A12	0.5	3.8	1	0.67	3.3	5.0					0.3	1.5	2.75	3.25	6.0	2.0	
499	001292	Aiayua Phương Nam	17/01/2006	10A12	2.8	6.3	1.3	0.4	1.3	3.0					5.3	7.0	2.5	5.25	7.8	7.5	
500	001293	CAO NGUYỄN YẾN NGỌC	05/01/2007	10A12	3.3	6.8	0.7	1.2	2.9	4.8					6.0	6.5	3.75	6	9.8	9.0	
501	001295	Ung Thị Thùy Ngân	26/11/2007	10A12	4.0	4.8	1.1	0.4	4	5.5					4.5	6.0	3.25	4	7.3	7.8	
502	001299	Nguyễn Phúc Phương Ngọc	20/11/2007	10A12	2.5	7.0	1.8	1.33	5.2	8.3					4.5	6.8	3	5.5	8.5	8.3	
503	001302	Nguyễn Thị Phương Nguyên	18/09/2007	10A12	5.0	8.5	1.1	0.8	5	6.9					7.0	8.5	3.75	5.75	9.5	7.0	
504	001309	Phan Ngọc Quỳnh Như	07/04/2007	10A12	6.5	6.5	1.4	1.2	4.8	7.4					7.5	6.5	3.75	6	9.8	9.5	
505	001312	Phạm Thị Trinh Nữ	26/11/2007	10A12	1.8	7.0	1.4	0.4	3.6	5.4					7.5	8.5	2.5	6	8.5	9.0	
506	001314	Đỗ Thị Kim Oanh	12/06/2007	10A12	4.0	8.0	1.3	1.33	4.9	7.5					7.0	6.0	3.75	5.5	9.3	9.5	
507	001315	Cao Trường Phát	22/06/2007	10A12	5.5	5.5	1.5	0.93	4.5	6.9					7.0	7.5	3.75	5.5	9.3	8.5	
508	001318	Dư Quang Gia Phú	02/01/2007	10A12	1.3	8.3	1.4	1.33	5.3	8.0					6.5	7.0	2.75	4.75	7.5	8.0	
509	001321	Phạm Hoàng Phúc	09/05/2006	10A12	0.5	7.8	1.4	0.93	2.1	4.4					4.5	8.0	3.5	5.25	8.8	7.0	
510	001326	Nguyễn Phú Quý	02/10/2007	10A12	5.3	6.5	1.7	1.07	4.7	7.5					6.3	8.5	3.75	6	9.8	9.5	
511	001328	Nguyễn Ngọc Mẫn Quỳnh	03/12/2007	10A12	5.3	5.8	1	0.27	2.1	3.4					8.0	6.0	4	5.5	9.5	9.5	
512	001330	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	17/06/2007	10A12	3.8	6.5	1.5	0.93	4.8	7.2					6.3	8.5	4	5.5	9.5	9.5	
513	001344	Nguyễn Lê Anh Thư	08/02/2007	10A12	3.5	6.3	1.3	0.8	2.7	4.8					3.5	4.3	3	5.25	8.3	4.5	
514	001347	Trần Thị Anh Thư	16/05/2007	10A12	4.0	7.5	1.4	0.53	3.8	5.7					8.3	5.8	2.75	5.75	8.5	9.0	
515	001349	Phạm Cao Hoài Thương	03/04/2007	10A12	3.3	6.5	1.4	0.93	5.2	7.5					6.8	5.5	3.75	6	9.8	9.5	
516	001352	Đinh Bảo Tiên	10/11/2007	10A12	1.5	5.0	1.4	0.67	2.5	4.6					2.8	6.5	2.25	5	7.3	3.0	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý		Hóa		Sinh	Sử	Địa			KTPL	Ghi chú
							Nghe	TN	TL	TC		TN	TL	TC			TN	TL	TC		
517	001353	Đỗ Cát Tiên	24/05/2007	10A12	2.0	6.3	1.5	0.8	4.6	6.9					5.3	5.0	2.25	6	8.3	9.5	
518	001354	Lê Thị Ngọc Tiên	05/12/2007	10A12	4.5	7.3	1.4	1.33	4.6	7.3					8.8	8.5	4	6	10.0	9.8	
519	001355	Nguyễn Hoa Cẩm Tiên	08/12/2007	10A12	4.3	4.5	1.7	1.07	5.1	7.9					5.0	5.5	3	6	9.0	9.5	
520	001361	Lê Thị Đoan Trang	29/04/2006	10A12	4.0	6.3	1.4	0.93	2	4.3					4.3	6.5	3.25	5.25	8.5	5.5	
521	001363	Hà Ngọc Bảo Trâm	21/12/2007	10A12	1.2	6.0	1.7	0.93	5	7.6					4.3	7.5	3.5	2.5	6.0	6.0	VPQCT
522	001366	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	23/12/2007	10A12	4.3	5.3	1.5	0.8	5.5	7.8					7.3	9.3	4	6	10.0	9.5	
523	001371	Bùi Ngọc Tường Vân	03/08/2007	10A12	1.8	3.5	1.7	1.47	5.6	8.8					4.3	6.8	2.75	4	6.8	6.0	
524	001376	Lê Tường Vy	11/02/2007	10A12	3.8	7.0	1.6	0.67	4.8	7.1					8.0	8.5	4	6	10.0	9.5	
525	001379	Nguyễn Tường Vy	15/04/2007	10A12	3.0	5.3	0.5	1.07	4.2	5.8					4.5	6.0	3.75	5.25	9.0	7.5	
526	001381	Đặng Hoàng Hải Yến	15/04/2007	10A12	5.3	6.8	1.3	1.07	5.4	7.8					7.8	8.3	3.5	5.5	9.0	9.5	
527	001382	Đặng Ngọc Phi Yến	04/12/2007	10A12	2.8	6.5	1.6	0.8	4.6	7.0					2.5	6.0	2.75	4.75	7.5	9.0	
528	001215	Lê Nguyễn Minh An	08/09/2007	10A13	2.3	5.3	1.5	0.8	1.8	4.1					5.0	4.0	2	1.25	3.3	5.5	
529	001216	Ngô Mỹ An	23/11/2007	10A13	2.3	5.8	1.5	1.07	4.5	7.1					5.8	2.5	1.75	3	4.8	2.5	
530	001217	Đoàn Thế Anh	17/04/2007	10A13	0.5	6.3	1.4	0.4	2.5	4.3					6.0	1.3	1.75	6	7.8	7.0	
531	001228	Đào Huy Bảo	25/08/2007	10A13	2.5	5.5	1	0.67	2.3	4.0					5.3	6.0	2	5.25	7.3	6.0	
532	001229	Lữ Gia Bảo	21/12/2007	10A13	4.0	6.0	1.4	0.8	3.1	5.3					5.5	7.5	3.5	5.75	9.3	6.5	
533	001230	Nguyễn Quân Bảo	29/05/2007	10A13	2.8	5.3	1.8	1.2	4.9	7.9					4.5	4.3	2.75	5.5	8.3	6.0	
534	001239	Nguyễn Minh Đông	10/04/2007	10A13	3.8	4.8	1.4	0.93	4.1	6.4					3.8	6.5	3	5.5	8.5	9.5	
535	001240	Nguyễn Đặng Trường Giang	01/01/2007	10A13	5.3	5.8	1.1	0.67	3	4.8					6.3	5.8	3.75	5	8.8	8.3	
536	001244	Nguyễn Thu Hà	18/12/2007	10A13	4.0	7.5	1.7	1.07	5	7.8					6.5	8.0	3.5	5.5	9.0	8.0	
537	001248	Hoàng Ngọc Hân	18/10/2007	10A13	8.0	7.0	1.4	1.2	5.2	7.8					7.0	7.5	3.75	6	9.8	9.5	
538	001251	NGUYỄN ĐỖ TRUNG HIẾU	10/04/2007	10A13	1.5	6.5	1.5	0.67	3.8	6.0					5.8	8.8	3	5.75	8.8	6.8	
539	001253	Dương Minh Hoàng	07/05/2007	10A13	2.5	5.0	1.5	0.8	4	6.3					5.0	6.0	2.5	6	8.5	8.5	
540	001255	Đào Gia Huy	22/04/2007	10A13	3.3	6.3	1.4	0.8	4	6.2					5.0	7.3	3.5	4.75	8.3	4.5	
541	001264	Võ Hồ Thái Khang	01/12/2007	10A13	3.0	5.8	1.8	1.87	5.4	9.1					5.5	6.5	2.25	5.25	7.5	8.0	
542	001267	Lâm Tuấn Kiệt	16/11/2007	10A13	2.8	5.0	1.5	1.07	3.5	6.1					6.3	6.5	2.75	4.75	7.5	8.0	
543	001271	Bùi Ngọc Hải Linh	28/11/2007	10A13	3.5	5.8	1.4	1.6	5.3	8.3					5.5	6.5	2.75	4.25	7.0	6.8	
544	001273	Nguyễn Ngọc Linh	19/06/2007	10A13	3.0	6.5	1.8	1.2	4.7	7.7					6.0	5.3	2	5	7.0	6.8	
545	001275	Nguyễn Phan Trúc Linh	08/08/2007	10A13	3.0	6.0	1.3	0.4	4.1	5.8					5.8	5.3	2.75	6	8.8	8.0	
546	001280	Nguyễn Phước Lộc	25/03/2007	10A13	5.0	7.5	1.2	0.8	2.5	4.5					7.0	5.8	3.25	5	8.3	9.0	
547	001285	Trần Duy Mạnh	07/03/2007	10A13	4.5	6.5	1.6	1.33	4.8	7.7					7.3	6.0	2.5	6	8.5	5.0	
548	001290	Phạm Vũ Thảo My	15/02/2007	10A13	1.5	6.8	1.8	1.47	5.7	9.0					4.3	6.0	2	4.75	6.8	6.8	
549	001291	Tăng Nguyễn Trà My	21/04/2007	10A13	5.5	5.8	1.7	1.07	4.6	7.4					4.3	4.0	2.75	4	6.8	5.5	
550	001294	Lê Hoàng Nga	10/07/2007	10A13	9.0	8.0	1.6	1.6	5.6	8.8					7.0	6.0	3.5	6	9.5	8.5	
551	001304	Hoàng Thị Tuyết Nhi	30/12/2007	10A13	5.3	7.0	1.6	0.93	5.2	7.7					7.0	8.8	3	5.25	8.3	8.3	
552	001310	Trịnh Ngọc Quỳnh Như	20/02/2007	10A13	4.0	5.8	1.6	0.67	3.3	5.6					6.5	3.5	2.25	5.5	7.8	8.5	
553	001311	Trương Ngọc Huỳnh Như	18/01/2007	10A13	3.8	7.3	1.4	1.07	4.1	6.6					6.8	5.0	3.75	5.75	9.5	9.0	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý		Hóa		Sinh	Sử	Địa			KTPL	Ghi chú
							Nghe	TN	TL	TC		TN	TL	TC			TN	TL	TC		
554	001316	Nguyễn Tấn Phát	30/12/2007	10A13	3.8	7.0	1.4	1.07	4.5	7.0					7.0	7.5	4	5.5	9.5	6.5	
555	001319	Đặng Hồng Phúc	08/10/2007	10A13	2.8	5.5	1.7	1.6	4.5	7.8					5.8	5.5	3.25	4.75	8.0	6.0	
556	001322	Phạm Hồng Phúc	29/09/2007	10A13	5.8	7.3	1.7	0.93	4.5	7.1					6.8	7.5	3	5.25	8.3	5.5	
557	001323	Nguyễn Thiên Phước	01/05/2007	10A13	2.5	4.5	1.3	0.53	3.4	5.2					4.8	6.5	2.75	5.25	8.0	6.0	
558	001327	Đào Thị Như Quỳnh	14/02/2007	10A13	7.3	7.8	1.6	0.93	5.2	7.7					7.0	6.0	3.5	6	9.5	8.8	
559	001333	Nguyễn Chí Tài	22/03/2007	10A13	2.8	4.8	1.7	1.33	5.1	8.1					5.8	5.8	2.5	5.75	8.3	5.5	
560	001334	Nguyễn Thị Hiếu Thảo	29/09/2007	10A13	3.5	6.8	1.4	1.47	4.9	7.8					4.3	5.0	3	4	7.0	7.0	
561	001336	Ngô Trúc Thi	03/01/2007	10A13	7.5	8.0	1.5	0.93	4.9	7.3					5.0	8.8	2.5	5.5	8.0	6.0	
562	001343	Nguyễn Hồ Anh Thư	27/02/2007	10A13	6.0	7.3	1.6	1.33	4.7	7.6					6.5	8.8	4	5.5	9.5	9.5	
563	001345	Nguyễn Lê Anh Thư	04/03/2007	10A13	4.5	7.3	1.6	1.47	4.6	7.7					6.8	9.0	3.75	4	7.8	9.5	
564	001348	Vũ Thị Anh Thư	20/06/2007	10A13	3.5	6.0	1.6	0.93	4.8	7.3					4.8	5.3	3.25	6	9.3	8.0	
565	001356	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	27/01/2006	10A13	5.8	6.5	1.4	1.2	4.7	7.3					6.3	6.0	3.5	6	9.5	6.0	
566	001365	Trần Quốc Triệu	07/11/2007	10A13	1.3	4.5	1.6	0.13	1.5	3.2					4.5	2.3	2.25	4.75	7.0	5.5	
567	001368	Mai Ngọc Phương Uyên	06/09/2007	10A13	3.5	4.5	1.5	0.93	4.4	6.8					5.0	5.3	3	4	7.0	6.0	
568	001370	Nguyễn Thị Phương Uyên	20/08/2006	10A13	2.3	5.0	1.5	0.8	2.8	5.1					6.0	4.0	3	3.5	6.5	7.0	
569	001372	Nguyễn Phạm Thanh Vân	03/02/2007	10A13	7.5	7.3	1.4	1.07	4.5	7.0					6.8	9.8	4	5.75	9.8	9.5	
570	001373	Trịnh Quang Vinh	17/09/2007	10A13	8.3	7.0	1.4	1.33	5.8	8.5					6.0	8.3	3.25	5.75	9.0	8.5	